

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BÁN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 24 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 04 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI



Địa chỉ: Khu CN phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Điện thoại: 0216 3 856 555 Fax: 0216 3 851 123
Website: www.anphatmineral.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

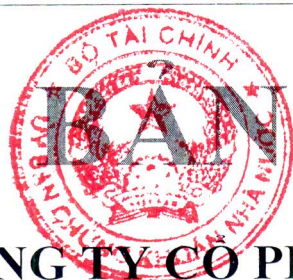


Địa chỉ: Lầu 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3823 3299 Fax: (028) 3823 3301
Website: www.hsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Vũ Thanh Bình Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Điện thoại: 0216 3 856 555 Fax: 0216 3 851 123

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 24./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 04 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI



Địa chỉ: Khu CN phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Điện thoại: 0216 3 856 555 Fax: 0216 3 851 123
Website: www.anphatmineral.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Địa chỉ: Lầu 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3823 3299 Fax: (028) 3823 3301
Website: www.hsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Vũ Thanh Bình Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Điện thoại: 0216 3 856 555 Fax: 0216 3 851 123



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	:	HII
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán		
- Cổ đông hiện hữu	:	14.000 đồng/ cổ phiếu
- ESOP	:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	:	14.250.000 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	:	142.500.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 6664 2777

Fax: (024) 6664 3777

Website: www.ifcvietnam.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: Lầu 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3823 3299

Fax: (028) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	11
5. Rủi ro về pha loãng.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	15
1. Tổ chức phát hành – Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	15
2. Tổ chức tư vấn.....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	17
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	22
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	24
4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông	29
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	31
6. Hoạt động kinh doanh	33
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất	42
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	45
9. Chính sách đối với người lao động	48
10. Chính sách cổ tức	50
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	51
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	56
13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty	69
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	70
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty	71
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	72
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	73
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	73
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	73
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	74
1. Loại cổ phiếu	74

2. Mệnh giá	74
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	74
4. Giá chào bán dự kiến	74
5. Phương pháp tính giá	74
6. Phương thức phân phối	75
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	78
8. Đăng ký mua cổ phiếu	80
9. Phương thức thực hiện quyền (đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)	81
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	81
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	82
12. Các loại thuế có liên quan.....	83
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	84
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	84
1. Mục đích chào bán	84
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	90
1. Đơn vị tư vấn.....	90
2. Đơn vị kiểm toán	90
IX. PHỤ LỤC.....	90

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm	6
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2018F.....	9
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.....	23

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình hình thành, phát triển.....	18
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm	30
Bảng 3: Thời gian khấu hao TSCĐ.....	51
Bảng 4: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	52
Bảng 5: Chi tiết các quỹ.....	52
Bảng 6: Chi tiết số dư các khoản vay.....	52
Bảng 7: Chi tiết hàng tồn kho.....	53
Bảng 8: Chi tiết các khoản phải thu	53
Bảng 9: Chi tiết các khoản phải trả	54
Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính	55
Bảng 11: Tình hình sử dụng đất của Công ty.....	70
Bảng 12: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2018	70

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo nhận định của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), nền kinh tế thế giới trong thời gian ngắn sẽ diễn biến tích cực, tăng trưởng 3,7% trong năm nay và 3,9% trong năm 2019, mức tăng trưởng mạnh nhất kể từ năm 2011. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này có thể được nhận thấy ở mức rõ nhất ở khu vực châu Âu và châu Á, đặc biệt là các nước Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Mỹ. Ngoài ra một số quốc gia mới nổi như Brazil hay Nam Phi cũng sẽ có mức tăng trưởng ấn tượng trong thời gian tới. Thương mại toàn cầu đã tăng mạnh trong những tháng gần đây, cộng với gia tăng sản lượng sản xuất ở châu Á đã giúp cải thiện sự kỳ vọng của các nhà đầu tư và củng cố niềm tin của nhà sản xuất vào nhu cầu tăng cao của người tiêu dùng.

Nước Mỹ với nền kinh tế lớn nhất thế giới tiếp tục được dự báo là sẽ tăng trưởng mạnh trong tương lai gần do chương trình cắt giảm thuế và các gói kích thích kinh tế của chính phủ Mỹ sẽ thúc đẩy động thái đầu tư ngắn hạn. Theo IMF, từ nay đến hết 2020 nước Mỹ sẽ tăng trưởng cao hơn so với các dự báo trước đó đến 1,2% GDP, cụ thể 2018 và 2019 nước Mỹ sẽ tăng trưởng lần lượt 2,7% và 2,5% (so với 2,3% và 1,9% như dự báo trước đây). Tuy nhiên thâm hụt ngân sách dài hạn sẽ khiến cho nước Mỹ thay đổi các chính sách tiền tệ của mình và do đó giảm thiểu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Tăng trưởng của các nền kinh tế đã và đang phát triển khác như khối cộng đồng chung châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc... cũng được dự báo là sẽ tăng trưởng nóng trong các năm sau do nhu cầu tiêu dùng cả trong nước lẫn ngoài nước tăng cao. Châu Á tiếp tục giữ mức tăng trưởng cao ở mức 6,5% mỗi năm và chiếm ½ tổng sản lượng toàn cầu. Tuy nhiên, tình hình chính trị bất ổn ở một số nước như Tây Ban Nha và cạnh tranh xuất khẩu giữa các nước châu Á sẽ tạo nhiều biến động khó lường trong thời gian ngắn.

Tuy nền kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng cao trong thời gian tới nhưng vẫn còn ẩn chứa nhiều rủi ro. Trong đó đáng kể nhất là việc thay đổi hoặc trì hoãn các hiệp định thương mại tự do như NAFTA, hay TPP (nay gọi là CPTPP) mà xuất phát điểm là từ phong trào dân tộc cực đoan ở các nước phát triển sẽ là rào cản cho sự phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, tỷ lệ lãi suất thấp ở nhiều quốc gia lớn cũng bộc lộ nhiều

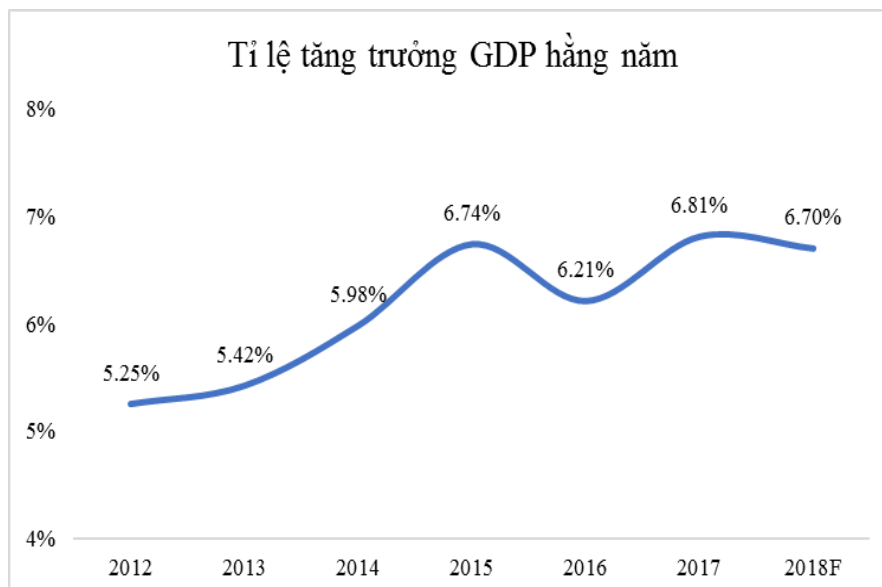
điểm yếu trong thị trường tài chính, nhiều nhà đầu tư do cố gắng theo đuổi lợi nhuận đã đầu tư vào các công ty có rủi ro tín dụng cao, dẫn đến nguy cơ phá sản nói chung và suy yếu môi trường đầu tư nói chung ở nhiều quốc gia. Cuối cùng, sự bất ổn chính trị (chiến tranh khu vực Trung Đông, dòng người nhập cư ở châu Âu...) và tình hình thiên tai càng ngày càng khắc nghiệt (bão ở khu vực Thái Bình Dương, hạn hán khu vực Sahara và châu Úc...) cũng sẽ gây tác động tiêu cực không nhỏ đến bức tranh kinh tế chung của thế giới.

1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

Sau một năm thành công với tăng trưởng đạt mức kỷ lục 6,81%, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2018 quanh mức 6,5% - 6,7%. Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2018, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam được đánh giá là tích cực trong trung hạn, mức tăng trưởng GDP dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong 2018 nhờ sản xuất nông nghiệp được phục hồi và triển vọng kinh tế toàn cầu tiếp tục cải thiện đáng kể.

Theo phân tích của WB, mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay đang phải đối mặt những hạn chế cơ cấu ngày càng lớn. Tăng trưởng kinh tế đã trở nên quá phụ thuộc vào tích lũy các yếu tố sản xuất (vốn, tài nguyên và lượng lao động kỹ năng thấp), cũng như các biện pháp kích thích kinh tế vĩ mô (các chính sách nới lỏng tài khóa và tín dụng) trong khi đóng góp của tăng trưởng năng suất (tổng năng suất các yếu tố - TFP) đang giảm xuống.

Nhận thức được tầm quan trọng, Quốc hội đã thông qua quyết định tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, bao gồm tiếp tục cải cách nhằm nâng cao ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải thiện hiệu suất của khu vực DNNN, tăng cường đầu tư công và tạo thuận lợi cho một khu vực tư nhân năng động hơn và năng suất hơn.

Tuy nhiên, kinh tế thế giới thay đổi có thể tác động bất lợi cho kinh tế Việt Nam trong năm 2018 và những năm tiếp theo: (i) Độ co giãn của cầu nhập khẩu theo thu nhập đã giảm mạnh tại hầu hết các nền kinh tế APEC và trên toàn cầu, đặc biệt tại các nước phát triển; (ii) Xu hướng bảo hộ thương mại phi thuế quan tăng mạnh, đặt ra thách thức lớn cho các nước xuất khẩu, trong đó có Việt Nam.

1.3. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Với mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức 14%.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2%–0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo đó, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 7% – 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ

9,3% -11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5% – 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm 2015. Lãi suất kỳ hạn ngắn (từ dưới 1 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 3 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm 2015 có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh. Đây là hệ quả tất yếu của áp lực tỷ giá xuất hiện với cường độ mạnh.

Năm 2016, mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ so với năm 2015 khoảng vài chục điểm cơ bản tùy từng kỳ hạn từ ngắn đến trung và dài hạn, trong đó có hai đợt điều chỉnh tương đối rõ vào quý I và cuối quý IV. Cùng với đợt điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất vào cuối quý IV, mặt bằng lãi suất huy động còn chịu thêm áp lực từ việc tỷ giá nóng lên sau bầu cử Mỹ và quyết định tăng lãi suất trong tháng 12 của FED và yếu tố mùa vụ với việc tăng trưởng tín dụng gia tốc về cuối năm cũng như nhu cầu đảm bảo thanh khoản của các ngân hàng xung quanh thời điểm cuối năm dương lịch và Tết Nguyên đán.

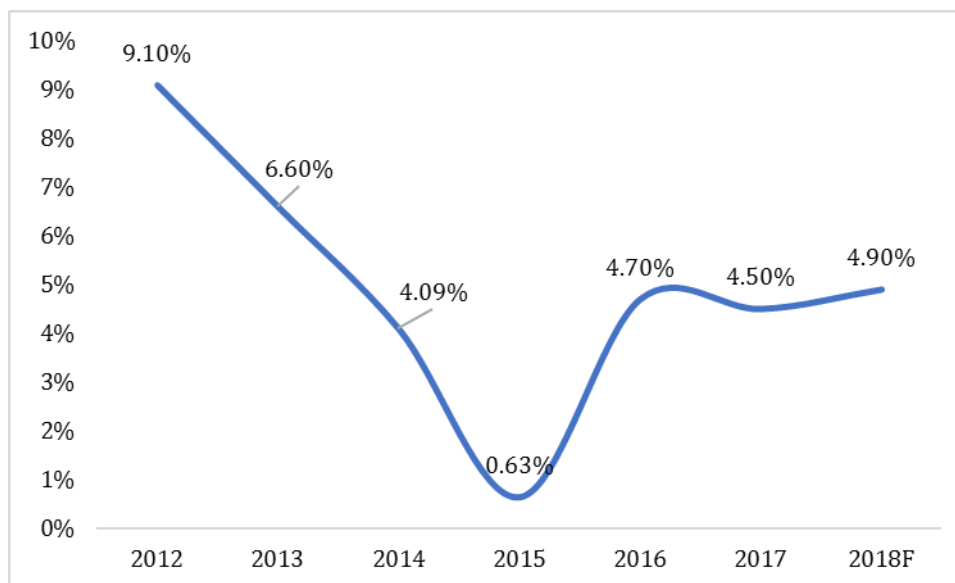
Sang năm 2017, mặt bằng lãi suất lại tương đối ổn định với lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn và 9% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung trong năm 2017 áp lực tăng lãi suất huy động và cho vay chủ yếu xuất hiện hồi đầu năm, còn từ nửa cuối năm trở đi thì mặt bằng lãi suất không có điều chỉnh đáng kể. Tuy nhiên có thể thấy các mức điều chỉnh lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng trong giai đoạn này không quá lớn, mức điều chỉnh nhỏ mỗi lần chỉ quanh 10 điểm cơ bản và không tạo ra các đợt chạy đua lãi suất.

Dự báo, mặt bằng lãi suất nửa đầu 2018 sẽ chỉ biến động nhẹ quanh mức cuối năm 2017, trong biên độ 20 điểm cơ bản và trần lãi suất đối với các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng trong các điều kiện thuận lợi có thể giảm nhẹ. Tuy nhiên, đối với nửa cuối năm mặt bằng lãi suất có thể chịu áp lực nếu các điều kiện cần là lạm phát hay tỷ giá có những biến động.

1.4. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2018F



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

Trong quá trình phát triển kinh tế 2000 - 2007, chính phủ Việt Nam muốn thúc đẩy nền kinh tế. Do đó, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008 – 2010. Chính phủ đã nới lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để đối đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2013. Từ năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,8%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm. Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Lạm phát năm 2013 được kiểm chế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2013 tăng 6,0%, thấp nhất trong 10 năm qua đạt mục tiêu đề ra là khoảng 8% so với năm 2012. Bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 5,0%. Tuy nhiên, sang năm 2015, lạm phát ghi nhận thấp nhất trong 15 năm qua, nguyên nhân chính là do chi phí đẩy giảm. Cụ thể, nguồn cung về lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào, cùng với sự cạnh tranh với các nước đã khiến chỉ số giá nhóm lương thực năm 2015 giảm 1,24% so với cuối năm trước. Giá nhiên liệu trên thị trường thế giới gần đây giảm mạnh, đặc biệt là giá dầu cũng khiến nhóm hàng "nhà ở và vật liệu xây dựng" và "giao thông" năm 2015 lần lượt giảm 1,62% và 11,92%, so với năm trước, trong đó riêng giá xăng dầu giảm gần 25% góp phần giảm CPI chung 0,9%. Ngoài ra việc CPI giảm còn do nguyên nhân chủ quan từ việc cắt giảm chi tiêu của người dân.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, lạm phát cả năm 2016 là 4,74% đạt mục tiêu dưới 5% theo Nghị quyết Quốc hội đề ra. Trong năm 2017, lạm phát bình quân chỉ

tăng 3,53% so với năm 2016, không những dưới mức 4% do Quốc hội đề ra mà còn thấp hơn cả năm 2016. Theo đánh giá của Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia, lạm phát năm 2017 giảm so với năm 2016 do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng chậm hơn, trong khi giá thực phẩm giảm. Tuy nhiên sang đến năm 2018 sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công (y tế, giáo dục) và giá thực phẩm. Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016-2020 nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể tương đương năm 2017. Nhìn chung nếu không có những yếu tố bất ngờ trong năm 2018 thì lạm phát có thể sẽ chỉ dao động ở mức tương đương với mức tăng của năm 2017.

1.5. Tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Năm 2016 là năm đầy biến động với đồng đô la Mỹ do tác động trực tiếp của việc Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu EU (Brexit), việc ông Donald Trump trở thành Tổng thống Mỹ và FED tăng lãi suất trong tháng 12, đi kèm lộ trình tăng lãi suất tới 4 lần trong năm 2017, dẫn tới giá USD tăng trên thị trường thế giới.

Xét về yếu tố vĩ mô, Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục là điểm sáng thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, năm 2018 được dự đoán là năm tiếp tục sôi động cho các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện thoái vốn, cổ phần hóa... là cơ sở đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho Việt Nam. Do đó theo dự đoán, tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2018.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động của Công ty liên quan đến lĩnh vực sản xuất nguyên vật liệu, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào của Công ty là đá được Công ty nhập chủ yếu từ các mỏ Lục Yên và Mông Dương thuộc Tỉnh Yên Bái. Hoạt động khai thác đá thường chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của điều kiện tự nhiên, do đó biến động về thời tiết mưa gió, bão, lũ lụt có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động khai thác của các mỏ đá và ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Xu hướng thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao cũng sẽ ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu đầu vào, do đó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của Công ty.

3.2. Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Hiện nay, dự kiến sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá trắng của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nếu các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã và đang có chiến lược từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp nhằm đa dạng hóa thị trường.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) nên giá cổ phiếu của HII sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mọi quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô, và tâm lý chung của nhà đầu tư. Do vậy, có thể xảy ra rủi ro không bán hết được số cổ phiếu đăng ký chào bán bởi những tác động từ thị trường.

Ngoài ra, số lượng tiền thu được từ đợt chào bán sẽ dùng toàn bộ để tăng vốn góp của HII tại hai công ty; CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành và CTCP Liên vận An Tín để bổ sung vốn lưu động cho hai công ty trên, nhằm phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh cho hai công ty trên. Vì vậy doanh thu, sự phát triển mở rộng, cũng như những vấn đề về quản trị, kiểm soát rủi ro của hai công ty này sẽ ảnh hưởng đến kết quả đầu tư của HII, cũng như lợi nhuận của cổ đông trên mỗi cổ phiếu.

5. Rủi ro về pha loãng

Công ty hiện đang có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán cổ phiếu ra thị trường sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Giá pha loãng dự kiến

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + I_1 * PR}{(1 + I_1)}$$

Trong đó:

- PR(t-1) là giá giao dịch của Công ty ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- PR là giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng

Ví dụ 1: Giả sử giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 32.000 đồng/cổ phiếu (cao hơn giá phát hành), theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 14.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 100%, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau:

Theo cơ chế giao dịch đang được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh (áp dụng cho cổ đông hiện hữu):

Giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được tính bằng = $(32.000 + 100\% \times 14.000) / (1 + 100\%) = 23.000$ đồng/cổ phiếu

Ví dụ 2: Giả sử giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu (thấp hơn giá phát hành), theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 14.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 100%, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau:

Theo cơ chế giao dịch đang được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh (áp dụng cho cổ đông hiện hữu)

Giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sẽ được tính bằng = $(12.000 + 100\% \times 14.000) / (1 + 100\%) = 13.000$ đồng/cổ phiếu.

Đánh giá mức độ pha loãng EPS dự kiến:

Công ty thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 136.000.000.000 đồng lên 278.500.000.000 đồng. Trong trường hợp phát hành thành công thì số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ là 27.850.000 cổ phiếu. Sau khi lượng cổ phiếu mới phát hành chính thức được lưu hành, sẽ có sự pha loãng EPS, cụ thể như sau:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ}}$$

- EPS dự kiến năm 2018 trong trường hợp không phát hành thêm cổ phiếu:

$$(130.000.000.000^{(1)} - 0) / 13.600.000 = 9.559 \text{ đồng}$$

- EPS dự kiến năm 2018 khi 14.250.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và cổ

phiếu ESOP được phân phối: Do thời điểm hoàn tất phát hành dự kiến vào khoảng cuối quý 2/2018, nên EPS dự kiến năm 2018 được tính theo số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm như sau:

$$(130.000.000.000^{(1)} - 0) / 20.725.000^{(2)} = 6.273 \text{ đồng}$$

(1) Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2018 của Công ty.

(2) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến trong năm 2018.

Như vậy, so với không phát hành thêm cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu HII (tính trên số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2018) sau khi Công ty phát hành tăng vốn điều lệ giảm 3.286 đồng.

Do các dự án trong giai đoạn đầu triển khai nên chưa mang lại nguồn thu ngay làm tác động đến kết quả kinh doanh, tác động đến EPS năm 2018. Tuy nhiên, Công ty cần đầu tư để phát triển, nguồn thu sẽ tăng mạnh vào các năm sau, từ đó làm cải thiện EPS.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Tuy nhiên, các cổ đông nhỏ lẻ bên ngoài, thậm chí ngay cả các cổ đông là tổ chức đầu tư, cổ đông lớn, các chuyên gia phân tích cũng chưa nhận biết và dự báo trước được những rủi ro này. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp. Xu hướng này bao gồm cả việc các doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư một phần nguồn lực nhằm nâng cao mối liên hệ giữa việc chấp nhận rủi ro và thu nhập của doanh nghiệp, đồng thời việc thiết lập quản trị rủi ro đủ mạnh là một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách ở cấp độ quản lý của doanh nghiệp.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban Kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị

doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. **Rủi ro khác**

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tổn thất nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành – Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Ông: Vũ Thanh Bình Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thu Nhân Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà: Nguyễn Thị Hương Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: Bạch Quốc Vinh

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy uỷ quyền số 25-2017/GUQ-HSC-KSNB ngày 21/11/2017 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái cung cấp.


III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ	Diễn giải
Công ty/ Tổ chức phát hành/ HII/ An Phat Mineral/ An Phát – Yên Bái	: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Tổ chức tư vấn/HSC	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	: Công ty Cổ phần
CP	: Cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
CBNV	: Cán bộ nhân viên
CNĐKDN	: (Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
DN	: Doanh nghiệp
BCTC	: Báo cáo tài chính
SLCP	: Số lượng cổ phần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LN	: Lợi nhuận
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
TSLĐ	: Tài sản lưu động
TSCĐ	: Tài sản cố định
TMCP	: Thương mại cổ phần
ĐVT	: Đơn vị tính
Thuế TNDN	: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
Thuế TNCN	: Thuế Thu nhập cá nhân

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI
Tên giao dịch quốc tế	: An Phat - Yen Bai Mineral and Plastic Joint Stock Company
Tên viết tắt	: ANPHATYENBAIM&P., JSC
Trụ sở chính	: Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
Điện thoại	: 0216 3 853 886
Fax	: 0216 3 851 123
Website	: www.anphatmineral.com
Logo	: 
Giấy CNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016
Vốn điều lệ hiện tại	: 136.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng)
Vốn thực góp hiện tại	: 136.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng) (tại 31/12/2017)
Tài khoản ngân hàng	: 46010002166141
Nơi mở	: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – chi nhánh Hải Dương
Thời điểm trở thành Công ty đại chúng	: 08/03/2017

*** Ngành nghề kinh doanh chính:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Chế biến đá và các sản phẩm từ đá
- Khai thác đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE);
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình thiết bị;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa, bao bì các loại;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- In ấn
- Dịch vụ liên quan đến in
Chi tiết: In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Bán buôn hóa chất ngành nhựa

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Được thành lập năm 2009, trải qua quá trình phát triển với những kinh nghiệm được kế thừa từ An Phát Plastic kết hợp với nguyên liệu dồi dào và chất lượng của vùng Yên Bái, AnPhat Mineral đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, vươn lên là nhà sản xuất hạt phụ gia CaCO₃ cho ngành nhựa lớn nhất Việt Nam và được nhiều khách hàng biết đến là một nhà cung cấp “Uy tín – Chất lượng”.

Bảng 1: Quá trình hình thành, phát triển

Năm	Thành lập và phát triển
10/2009	Thành lập công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái với 4 thành viên sáng lập. UBND tỉnh Yên Bái chấp thuận cho Công ty thuê 40.000 m ² đất với thời hạn 50 năm tại Khu công nghiệp phía Nam, TP Yên Bái. Công ty đã tiến hành giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ với công suất 4.800 tấn/năm
08/2010	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. Công ty chính thức đưa nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ đi vào hoạt động. Sản phẩm được các đối tác trong nước và ngoài nước đón nhận
2011	Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy lên 10.000 tấn/năm
01/2013	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng. Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 15.000 tấn/năm
08/2014	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh dự án với công suất sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ đạt 35.000 tấn/năm. Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 20.000 tấn/năm
01/2015	Sau khi tham khảo thị trường Công ty quyết định đầu tư thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất sang hệ thống máy trộn cao tốc 2 nòng trục với ưu điểm là nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vượt trội, các chi phí điện năng tiêu thụ và nhân công thấp hơn so với các dây chuyền cũ
04/2016	Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa công suất lên 35.000 tấn/năm
08/2016	Công ty đầu tư dự án nâng công suất nhà máy sản xuất hạt Nhựa CaCO ₃ lên 150.000 tấn/năm, Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Bột đá CaCO ₃ công suất 222.000 tấn/năm.
10/2016	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 86 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng để mở rộng sản xuất.
08/2017	Công ty khánh thành nhà máy mở rộng sản xuất hạt nhựa phụ gia và sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với công suất thiết kế tối đa 220.000 tấn/năm.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

1.3.1. Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần

- Vốn điều lệ đăng ký: 40.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 40.000.000.000 đồng
- Hồ sơ pháp lý:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009.

1.3.2. Tăng vốn đợt 1 ngày 13/08/2010

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 01:01 (cổ đông nắm giữ 01 cổ phiếu thì được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu). Trong quá trình chào bán, nhiều cổ đông hiện hữu không đăng ký mua cổ phần. Số lượng cổ phần chưa đăng ký hết được tiếp tục chào bán cho các cổ đông khác (bao gồm cả cổ đông hiện hữu).
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- **Mục đích sử dụng vốn:** Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất của Công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ – tại tỉnh Yên Bái
- Hồ sơ pháp lý:
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0503/2010/BB-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2010;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0503/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2010;
 - Đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/8/2010.

1.3.3. Tăng vốn đợt 2 ngày 25/04/2011

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái

- Phương thức tăng vốn: Phát hành cho các nhà đầu tư có nhu cầu là cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái và các cá nhân khác.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- **Mục đích sử dụng vốn:** Huy động vốn đầu tư máy móc, phương tiện sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể, Công ty sử dụng số tiền từ đợt tăng vốn để đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ – tại tỉnh Yên Bái.
- **Hồ sơ pháp lý:**
 - Biên bản ĐHCĐ số 1503/2011/BBĐHĐ-AP ngày 15/03/2011.
 - Nghị quyết ĐHCĐ 1503/2011/NQĐHĐ-AP ngày 15/03/2011.
 - Đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/4/2011.

1.3.4. Tăng vốn đợt 3 ngày 18/10/2016

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 86.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 136.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 136.000.000.000 đồng
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái
- Phương thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016.
- **Mục đích sử dụng vốn:** Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ và bột đá CaCO₃ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- **Hồ sơ pháp lý:**
 - Biên bản ĐHCĐ số 1110/2016/BB-ĐHCĐĐ ngày 11/10/2016.
 - Nghị quyết ĐHCĐ số 1110/2016/NQ-ĐHCĐĐ ngày 11/10/2016.
 - Biên bản HĐQT số 2502/2017/NQ-HĐQT ngày 25/02/2017.
 - Nghị quyết HĐQT số 2502/2017/NQ-HĐQT ngày 25/02/2017.
 - Đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

2.1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái được thành lập năm 2009, là một thành viên của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, có trụ sở tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, với vốn điều lệ ban đầu 40 tỷ đồng.

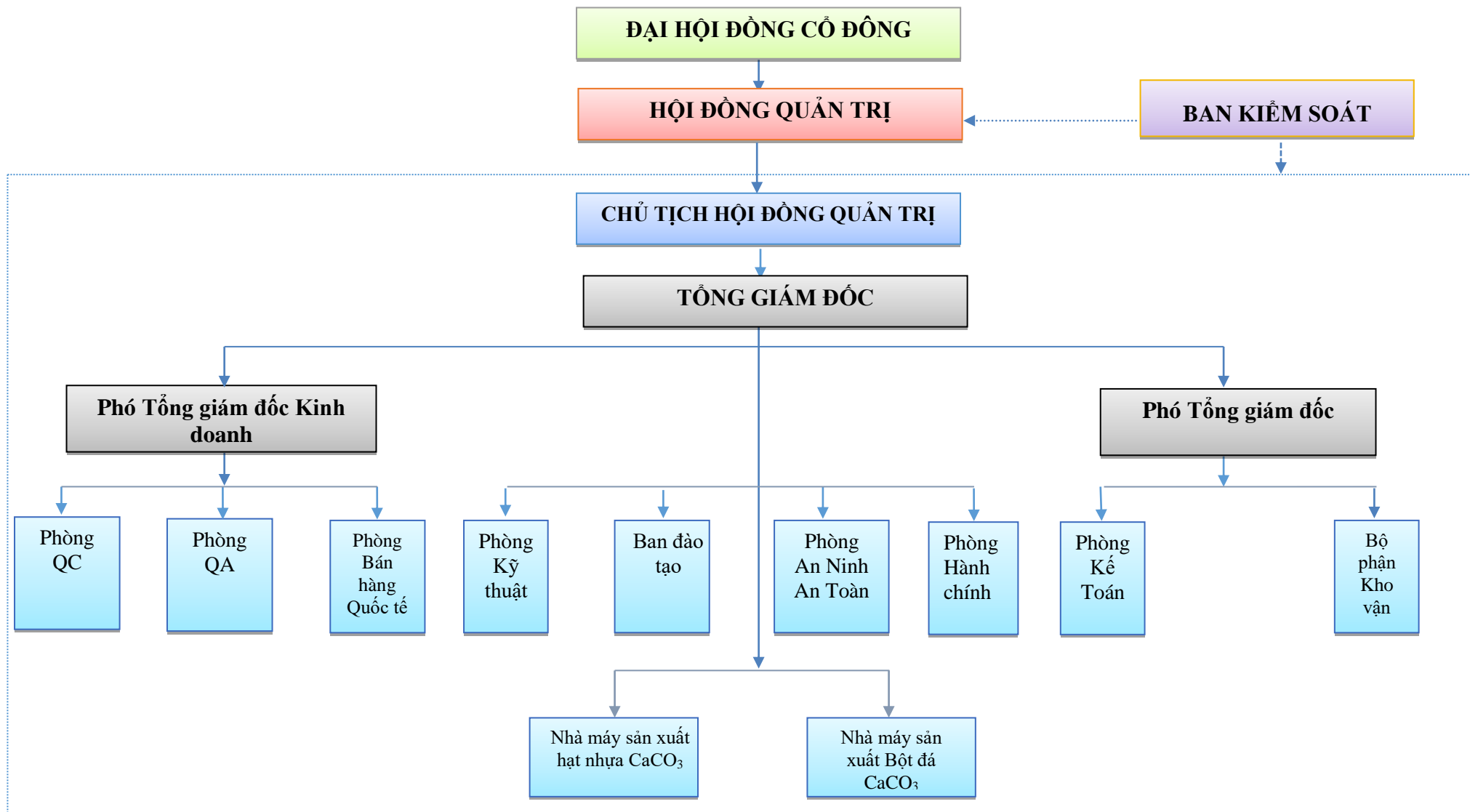
Hoạt động của Công ty gồm 2 mảng chính là kinh doanh hạt nhựa nguyên sinh và sản xuất hạt nhựa phụ gia và bột đá – nguyên liệu chế biến hạt nhựa phụ gia. Trong đó, mảng sản xuất doanh thu đang tăng lên và chiếm tỷ trọng chính trong hoạt động của Công ty, hạt nhựa phụ gia của Công ty (ANPHAT CALBEST (PE và PP)) được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm... Ngoài ra hạt phụ gia ANPHAT CALBEST được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: bột bả, sơn... Công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy...

Thời gian đầu hoạt động, sản phẩm của Công ty chủ yếu cung cấp cho Công ty mẹ, đến nay, thị trường của Công ty đã được mở rộng, đặc biệt là thị trường xuất khẩu sang các nước: EU, UAE, Ấn Độ, Nga... Đến nay, doanh thu từ thị trường này chiếm trên 50% doanh thu hoạt động của Công ty. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên thành 136 tỷ đồng.

Hiện tại, Công ty sở hữu 2 nhà máy với tổng diện tích 40.000 m², được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, trị giá hơn 170 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ công suất thiết kế 150.000 tấn/năm và Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ công suất thiết kế 222.000 tấn/năm, hiện tại 2 Nhà máy đã hoàn thành giai đoạn 1 với công suất thiết kế 84.000 tấn hạt nhựa/năm và 110.000 tấn bột đá/năm. Công ty đang đầu tư mở rộng sản xuất, nhập thêm máy móc thiết bị, để nâng công suất sản xuất của nhà máy. Dự kiến đến năm 2019 sẽ chạy hết công suất.

2.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái



(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các phòng, ban chức năng

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm trong đó nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên điều hành của Hội đồng quản trị là 04 (bốn) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là 03 (ba) năm. Thành viên Hội đồng quản

trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Quyết định việc phát hành trái phiếu thường (trái phiếu không chuyển đổi) theo thẩm quyền; đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Tứ	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên HĐQT
Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Thành viên HĐQT
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại, BKS của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hường	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đặng Thị Xuê	Kiểm soát viên
Bà Hoàng Phương Hằng	Kiểm soát viên

3.4. Ban Giám đốc

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại, Ban Giám đốc của Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Nhân	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh

3.5. Các phòng, ban chức năng

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.5.1. Phòng Kế toán:

Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước.

3.5.2. Phòng Hành chính:

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm

cho cán bộ công nhân viên;

- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty.

3.5.3. Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC):

Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

3.5.4. Phòng QA

Là phòng chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng

3.5.5. Phòng Kỹ thuật

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc về vấn đề kỹ thuật trong sản xuất. Chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động bình thường của các dây chuyền sản xuất và các vấn đề khác về kỹ thuật tại nhà máy.

- Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết hoặc yêu cầu của Công ty để tiến hành thiết kế kỹ thuật, lập quy trình công nghệ, phiếu công nghệ cho các sản phẩm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật mà khách hàng yêu cầu, dự trù chủng loại vật tư, định mức lao động cần thiết để sản xuất sản phẩm;
- Theo dõi quản lý toàn bộ trang thiết bị của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức công tác sửa chữa thiết bị theo chu kỳ hoặc đột xuất, duy trì thời gian hoạt động thường xuyên của thiết bị;
- Thường xuyên kiểm tra tình hình an toàn lao động, có quyền ngừng sản xuất khi phát hiện trang thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến tính mạng của người công nhân. Chịu trách

nhệm về vật chất đối với những hư hỏng về thiết bị do nguyên nhân chủ quan, lơ là, không kiểm tra gây thiệt hại vật chất, tính mạng người lao động;

3.5.6. Phòng ANAT (Phòng An Ninh An Toàn)

Là bộ phận được giao bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khoẻ, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty.

3.5.7. Ban đào tạo

Là bộ phận được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên.

3.5.8. Phòng bán hàng quốc tế

Là phòng tìm kiếm các khách hàng quốc tế, đối tác, thị trường tiêu thụ để thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu ban Giám đốc đưa ra. Tham mưu đề xuất cho Ban Giám đốc để xử lý các công tác liên quan đến sản xuất kinh doanh.

3.5.9. Bộ phận kho vận

Là bộ phận phụ trách việc nhập xuất hàng hóa tại kho của Công ty.

3.5.10. Các nhà máy sản xuất

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, ANAT. Hiện các Nhà máy do Giám đốc Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại ngày 19/01/2018

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP nhựa và Môi trường xanh An Phát	0800373586	Lô CN 11 + CN12, Cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	4.800.000	35,29
2	Lê Đức Long	011785742	14 Ngõ Hòa Bình 2, Minh Khai, Hà Nội	757.400	5,57
Tổng cộng				5.557.400	40,86

(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và số cổ phần nắm giữ tại ngày 01/10/2009

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	0800373586	Lô CN 11+CN 12, Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, H.Nam Sách, T.Hải Dương	3.900.000	97,5
2	Phạm Hoàng Việt	012222457	Tổ 49, TT. Viện Khoa học Việt Nam, Nghĩa Đô, Cầu Giấy Hà Nội	40.000	1
3	Nguyễn Lê Trung	013164787	Số 3, ngõ 39, Phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	40.000	1

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
4	Lê Mạnh Hùng	142026980	Xã An Bình, Huyện Nam Sách, Hải Dương	20.000	0,5

(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 19/01/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước	13.165.470	96,80	959
	- Tổ chức	4.974.810	36,58	6
	- Cá nhân	8.190.660	60,23	953
2	Cổ đông nước ngoài	434.530	3,20	15
	- Tổ chức	316.780	2,33	6
	- Cá nhân	117.750	0,87	9
Tổng cộng		13.600.000	100	974

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

5.1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

- Vốn điều lệ: 835.999.880.000 đồng
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800373586 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/3/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 08/12/2017
- Trụ sở chính: Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, Hải Dương

- Website: www.anphatplastic.com
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE)
- Tỷ lệ góp vốn tại HII hiện tại: 4.800.000 cổ phiếu, chiếm 35,29%

5.2. Các Công ty con

Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành

- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801208793 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14/08/2017
- Trụ sở chính: Số 95 đường Khúc Thừa Dụ, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Website: www.anthanhbicsol.com
- Ngành nghề kinh doanh chính: cung cấp các loại túi PE các loại nguyên liệu nhựa, phụ gia calbest, hóa chất cho ngành nhựa
- Tỷ lệ góp vốn của HII hiện tại: 5.100.000 cổ phiếu, chiếm 51%

Công ty Cổ phần liên vận An Tín

- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801177672 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 16/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/12/2017
- Trụ sở chính: Số 294 đường Điện Biên Phủ - Phường Bình Hàn - TP.Hải Dương - Tỉnh Hải Dương - Việt Nam
- Website: antinlogistics.com
- Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh vận tải – Logistics
- Tỷ lệ góp vốn của HII hiện tại: 5.100.000 cổ phiếu, chiếm 51%

5.3. Các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát

- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801225485 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/10/2017, thay đổi lần 1 ngày 18/12/2017
- Trụ sở chính: Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam

Sách, Hải Dương

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic
- Tỷ lệ góp vốn của HII hiện tại: 3.000.000 cổ phiếu, chiếm 30%

6. Hoạt động kinh doanh

➤ **Lĩnh vực hoạt động chính:** Sản xuất kinh doanh vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa.

- Số năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính: 08 năm
- Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty: Kinh doanh hạt nhựa, sản xuất các sản phẩm, phụ gia nhựa (hạt nhựa phụ gia...).
- Hạt nhựa: Là nguyên liệu phục vụ sản xuất hạt phụ gia của Công ty, đồng thời Công ty cũng kinh doanh thương mại hạt nhựa.
- Hạt phụ gia: Hạt phụ gia Calbest, Hạt phụ gia PP... tạo thành bởi phụ gia và bột đá (CaCO₃), trong đó có chứa khoảng 70% - 80% CaCO₃ và 20% - 30% nhựa nguyên sinh PE, PP, nhựa Polypropylen với một số phụ gia khác.

➤ **Năng lực hoạt động SXKD:**

Hiện tại An Phát Yên Bái đang sở hữu hai nhà máy với tổng diện tích 40.000 m² được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại trị giá hàng trăm tỉ đồng với tổng công suất thiết kế 372.000 tấn sản phẩm/năm khi dự án chạy hết công suất. Sản phẩm chính của công ty là Hạt phụ gia ANPHAT CALBEST (PE và PP) được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm... Ngoài ra hạt phụ gia ANPHAT CALBEST được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: bột bả, sơn... Công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy... Bên cạnh đó, công ty còn sản xuất bột đá siêu mịn để chủ động về nguồn nguyên vật liệu đầu vào và xuất khẩu.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực trình độ quản lý và sản xuất, dây chuyền sản xuất hiện đại, được thừa hưởng kinh nghiệm nhiều năm trong nghề, cùng mong muốn cung cấp cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, chúng tôi luôn lắng nghe ý kiến của khách hàng, không ngừng nghiên cứu sáng tạo để cải tiến các phương thức sản xuất kinh doanh, đưa ra các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường.

➤ **Phương thức tổ chức hoạt động SXKD:**

Nguyên liệu chính cho hoạt động của Công ty là hạt nhựa nguyên sinh, bột đá CaCO₃... trong đó hạt nhựa nguyên sinh chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài, nguồn cung cấp đòi

dào. Bột đá vôi được mua của các đơn vị tại địa bàn Yên Bái (Có mỏ đá Mông Sơn và Lục Yên với trữ lượng lớn, hàm lượng CaCO_3 lớn hơn 98,5% cũng như độ trắng, độ sáng cao và đồng nhất, được các chuyên gia trong và ngoài nước đánh giá là tốt nhất Việt Nam và Đông Nam Á): Công ty Cổ Phần Mông Sơn, Công ty TNHH Khoáng Sản Nhật Linh... Gần đây công ty đã tự chủ được nguồn nguyên vật liệu đầu vào do thành công trong việc đưa dự án sản xuất bột đá đi vào sản xuất.

Sản phẩm của Công ty một phần nhỏ được xuất bán cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát còn lại chủ yếu được xuất khẩu. Hiện tại, thị trường xuất khẩu của Công ty được mở rộng với các thị trường chính là EU, UAE, Nga và Ấn Độ... Tỷ trọng doanh thu bán hàng cho Công ty mẹ từ chiếm 41,9% trong tổng doanh thu năm 2013, giảm còn 24,8% năm 2014 và 25,4% năm 2015, 19% năm 2016 và sẽ đẩy mạnh xuất khẩu vào các năm tiếp theo.

➤ Sản phẩm của Công ty



Hạt phụ gia Calbest



Hạt phụ gia cho nhựa PE



Hạt phụ gia PP cho sản phẩm không dệt



Hạt phụ gia Calbest cho nền PE



Hạt phụ gia PP

✚ Hạt phụ gia An Phát Calbest

- **An Phát Calbest** là một hợp chất phụ gia ngành nhựa, tạo thành bởi phụ gia và bột đá (CaCO_3), trong đó có chứa khoảng 70 % - 80% CaCO_3 và 30% nhựa nguyên sinh PE với một số phụ gia khác (tùy theo yêu cầu của khách hàng) Calbest được sử dụng bằng cách trộn với nhựa nguyên sinh (có thể sử dụng nhựa tái chế nếu khách hàng yêu cầu)
Tỉ lệ thêm từ 5% đến 40% trọng lượng tùy thuộc vào sản phẩm cuối cùng và nó được điều chỉnh dựa trên các điều kiện công nghệ sản xuất.

❖ Ứng dụng:

- + Công nghệ: Thổi phim, ép, đúc ...
- + **Calbest** được sử dụng để thổi màng HDPE, LDPE, LLDPE, túi đựng đồ, nylon, bao Jumbo tiên tiến, vải không dệt, đùn ép bàn ghế, đồ gia dụng ...
- ❖ **Đặc tính sản phẩm:**
- + Giảm chi phí của sản phẩm (sử dụng ít Nhựa nguyên sinh hơn).
Cải thiện đặc tính sản phẩm cuối cùng (các thuộc tính cơ khí và hóa lý đều tốt hơn).
- + Sản phẩm tạo ra có màu trắng hoặc màu trắng sáng, giúp giảm tỷ lệ sử dụng chất nhuộm trắng (TiO₂masterbatch) do đó làm giảm chi phí nguyên liệu đầu vào.
Nhờ vào tính dẫn nhiệt cao của hợp chất canxi cacbonat và nhựa mà việc làm nóng cũng như làm nguội diễn ra nhanh hơn, chu trình ép, đùn, thổi cũng diễn ra thuận lợi hơn và sản lượng cũng tăng lên.
- + Cải thiện khả năng in trên bề mặt của sản phẩm cuối cùng.
- + Thích hợp cho việc sản xuất túi đựng, không bao gồm bất kỳ các chất độc hại và có hại cho sức khỏe người sử dụng.

✚ **Hạt phụ gia An Phát Calbest cho nền nhựa PE**

❖ **Ứng dụng**

Hạt phụ gia PE calbest được ứng dụng cho sản xuất túi shopping, túi đựng thực phẩm, các loại túi tự hủy thân thiện môi trường.

❖ **Ưu điểm**

- + Phụ gia này được sử dụng trong sản xuất các sản phẩm làm từ PE (polyetylen).
- + Sản phẩm không làm tăng ma sát trong máy thổi. Do đó, áp lực về phía bề mặt của màng là thấp (không cần phải thay đổi lưới thường xuyên).
- + Túi thổi ra bóng và chắc chắn hơn so với sử dụng các chất phụ gia khác (phù hợp cho cả những sản phẩm yêu cầu độ trắng sáng cao).
- + Là một phụ gia để giảm chi phí sản xuất cũng như giá thành sản phẩm. Sử dụng phụ gia này, các sản phẩm nhựa không chỉ có giá thành cạnh tranh hơn mà còn thân thiện hơn với môi trường.
- + Bề mặt mịn và các hạt có kích cỡ tương đối đồng nhất.
- + Độ phân tán cao.
- + Giá cả cạnh tranh và chất lượng tốt.
- + Không độc hại và thân thiện với môi trường.

✚ **Hạt phụ gia An Phát Calbest cho nền nhựa PP**

❖ **Ứng dụng**

- + PP thổi màng, túi
- + PP không dệt và dệt

- + PP ép phun, đúc thổi, ép đùn.
- ❖ **Ưu điểm**
- + Là chất độn, dùng thay thế cho hạt nhựa NS, mục đích giảm giá thành sản phẩm
- + Làm tăng độ cứng cho sản phẩm như bàn, ghế, chai lọ...
- + Tăng khả năng chịu nhiệt, cải thiện khả năng in ấn trên sản phẩm

+ Hạt nhựa màu

- + Có nhiều màu sắc khác nhau: xanh, đỏ, tím, vàng...đây là một phần rất quan trọng trong việc pha chế thành nhiều loại sản phẩm có màu sắc theo đơn đặt hàng.
- + Hạt có chất lượng tốt, đồng đều, không pha tạp
- + Cung cấp với số lượng lớn, tới tận nơi theo yêu cầu của khách hàng
- + Đóng gói, vận chuyển theo yêu cầu của khách hàng.

+ Hạt nhựa tái chế

- + Hạt có chất lượng tốt, có nhiều loại khác nhau, tái chế theo dây chuyền của Đài Loan, đạt tiêu chuẩn Quốc tế
- + Nhận cung cấp với số lượng lớn và lâu dài.
- + Hạt đã qua xử lý đảm bảo chất lượng, vệ sinh môi trường.

+ Hạt nhựa nguyên sinh

- + Có rất nhiều hạt nhựa nguyên sinh, chất lượng tốt
- + Cung cấp với số lượng lớn cho thị trường

Cung cấp các loại hạt nguyên sinh: LLDPE, HDPE, PP, LDPE với số lượng hàng lớn và chất lượng tốt của các hãng nổi tiếng như: Cherron Philips, CCC, Sabic, Dealim, Borouge...

6.1. Cơ cấu doanh thu

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2016 – 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm năm 2017 so với năm 2016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.837.344.308	549.248.507.796	183,66%
- Doanh thu bán thành phẩm	171.462.587.247	279.833.639.717	63,20%
- Doanh thu bán hàng hóa	22.374.757.061	269.556.812.133	1104,74%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.273.772.037	3.808.170.538	67,48%

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm năm 2017 so với năm 2016
Thu nhập khác	24.216.653	13.673.299	(43,54%)
Tổng doanh thu và thu nhập khác	196.135.333.998	553.212.295.687	182,06%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Đặc thù của một doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nguyên liệu đầu vào, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty (xấp xỉ 99%). Các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Điểm nhấn đáng kể nhất là doanh thu từ việc bán hàng hóa đã tăng hơn 10 lần so với năm 2016. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính tăng gấp hơn 2 lần so với năm trước, tuy vậy doanh thu hoạt động tài chính chỉ chiếm khoảng 0,6% trên cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập của toàn công ty.

6.2. Cơ cấu giá vốn hàng bán

Bảng 6: Cơ cấu giá vốn hàng bán giai đoạn 2016 – 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm năm 2017 so với năm 2016
Giá vốn bán thành phẩm	128.301.031.486	193.820.916.987	51,07%
Giá vốn bán hàng hóa	21.202.425.194	266.007.006.273	1154,61%
Giá vốn hàng bán	149.503.456.680	459.827.923.260	207,57%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Giá vốn bán hàng hóa trong năm 2017 tăng mạnh do Công ty trong năm vừa qua chú trọng việc bán hàng hóa, do đó giá vốn bán hàng hóa tăng hơn 10 lần so với năm ngoái, đồng thời góp phần tăng tổng giá vốn lên hơn 2 lần.

6.3. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty cho hoạt động sản xuất kinh doanh là: Bột đá CaCO₃ và Hạt nhựa nguyên sinh.

- **Hạt nhựa nguyên sinh**

Hạt nhựa nguyên sinh được Công ty sử dụng để sản xuất cho nhóm mặt hàng bao bì cao cấp, chất lượng cao như túi siêu thị, túi thực phẩm, y tế... Hạt nhựa nguyên sinh được nhập khẩu trực tiếp từ Singapore, Thailand, Hàn Quốc, Kuwait, Arab Saudi... Chất lượng của hạt nguyên sinh rất tốt, phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn cung lớn và ổn định.

- **Chất phụ gia CaCO₃**

Trong quá trình sản xuất, công ty có nhập một số lượng khoảng 10% - 20% tổng khối lượng các chất phụ gia trong quá trình sản xuất nhựa như hạt CaCO₃, mực in, dung môi, hạt màu... Tất cả các chất phụ gia này hiện đều có bán trong nước với chất lượng và giá thành hợp lý. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với công ty. Do vậy, Công ty luôn được đảm bảo về sự ổn định của nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý từ các đối tác.

Danh sách các nhà cung cấp chính

STT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm
1	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Hạt nhựa nguyên sinh
2	Gulf Polymers Distribution Company Fzco	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Sabic Asia Pacific Pte Ltd	Hạt nhựa nguyên sinh
4	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	Phụ gia
5	Scg Performance Chemicals Co., Ltd	Phụ gia
6	Công ty CP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái	Bột đá CaCO ₃
7	Công ty TNHH Canxi Cacbonat Vinafine	Bột đá CaCO ₃
8	Công ty CP Chế biến Khoáng sản Vinavico	Bột đá CaCO ₃

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 7: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2016 – 2017

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT
Giá vốn hàng bán	149.503.456.680	77,18%	459.827.923.260	83,72%
Chi phí tài chính	4.529.288.220	2,34%	7.622.393.852	1,39%
Chi phí bán hàng	14.707.132.911	7,59%	23.706.599.628	4,32%
Chi phí quản lý DN	5.949.675.936	3,07%	8.291.871.375	1,51%
Chi phí khác	6.850.791.734	3,54%	4.167.912	-
Tổng cộng chi phí	181.540.345.481	93,71%	499.452.956.027	90,93%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

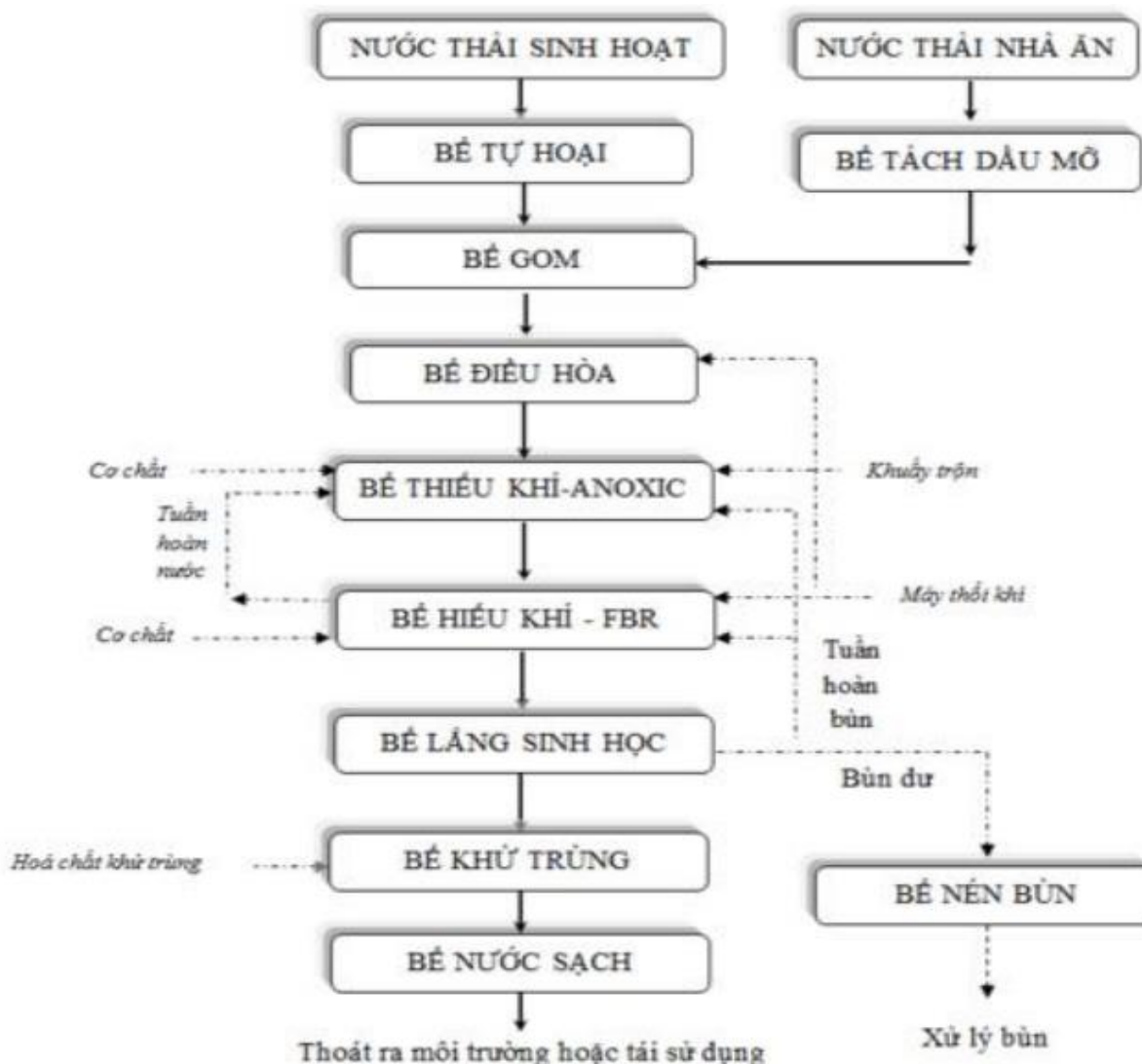
(*): Tỷ trọng tính trên Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong cơ cấu Tổng chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt lần lượt 77,18% năm 2016 và 83,72% năm 2017. Tiếp theo là chi phí bán hàng đạt 7,59% năm 2016 và 4,32% trong năm 2017. Nguyên nhân của việc tăng chi phí giá vốn hàng bán và giảm chi phí bán hàng trong năm 2016 so với năm trước do định hướng chiến lược, tăng tỷ trọng bán thành phẩm và giảm tỷ trọng bán hàng hóa của Công ty. Do thành phẩm bột đá CaCO₃ chủ yếu được xuất khẩu ra nước ngoài nên chi phí bán hàng giảm so với trước, tuy nhiên mặt hàng này vẫn mang lại biên lợi nhuận cao hơn so với thương mại hàng hóa.

6.5. Trình độ công nghệ

An Phát là doanh nghiệp sản xuất phụ gia ngành nhựa hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bột đá CaCO₃, đồng thời, An Phát – Yên Bái được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có hệ thống nhà xưởng sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật. Một số sản phẩm công nghệ mới đã được chính An Phát – Yên Bái sản xuất như hệ thống xử lý nước thải và một số máy móc khác.

Quy trình xử lý nước thải



(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Với công nghệ xử lý nước tuần hoàn khép kín, thân thiện với môi trường mà Công ty đã triển khai áp dụng, vấn đề này đã được giải quyết khá triệt để và hiệu quả. Với hệ thống xử lý nước thải này, Công ty tin rằng giá thành sản phẩm tái chế sẽ được giảm đáng kể, đem đến cho khách hàng lợi thế về giá cả cạnh tranh. Không chỉ có vậy, hệ thống cũng sẽ góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường Việt Nam.

6.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Công ty đã và đang không ngừng nghiên cứu, thí nghiệm sản xuất thành công những dòng sản phẩm bao bì chất lượng, thân thiện và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có hệ thống nhà xưởng

sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 về quản lý chất lượng, ISO 14001:2004 về hệ thống môi trường, và tiêu chuẩn BRC về an toàn chất lượng. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật. Ngoài ra Công ty đã áp dụng thành công chương trình nâng cao kỹ năng quản lý do tập đoàn IMPAC Hoa Kỳ tư vấn thực hiện.

6.8. Hoạt động Marketing

Chính sách bán hàng: thông thường các doanh nghiệp trong ngành thường chọn các hình thức quảng cáo giới thiệu sản phẩm của mình thông qua các phương tiện truyền thống như làm triển lãm, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đối với An Phát – Yên Bái, do đặc điểm khách hàng phần lớn là các nhà phân phối nước ngoài, Công ty thường tham gia các hội chợ bán hàng quốc tế như: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ ngành nhựa tại Thổ Nhĩ Kỳ, Hội chợ tại Úc, Nam Phi, Mỹ... và nhiều hội chợ khác tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội tìm kiếm các khách hàng qua các trang thương mại điện tử bên cạnh việc quảng bá tích cực tại website: www.anphatmineral.com.

Chính sách chăm sóc khách hàng: khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn luôn có ít nhất 2 nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi nào liên quan đến An Phát – Yên Bái, đến các sản phẩm của An Phát – Yên Bái hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước

6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với nỗ lực không ngừng, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái đã khẳng định được vị thế vững chắc và thương hiệu trên thị trường. Để bảo vệ thương hiệu, Công ty đã đăng ký tên miền: <http://www.anphatmineral.com> do Bộ Bureau chính – Viễn thông cấp.



6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị tính: USD

STT	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quốc gia
1	Phụ gia CaCO ₃	1.441.673	2017	Saudi Arabia
2	Phụ gia CaCO ₃	1.439.746	2017	Nga
3	Phụ gia CaCO ₃	737.295	2017	Ấn Độ
4	Phụ gia CaCO ₃	359.475	2017	Nam Phi
5	Phụ gia CaCO ₃	356.136	2017	Thái Lan
6	Phụ gia CaCO ₃	346.561	2017	Palestine
7	Phụ gia CaCO ₃	281.364	2017	Lào
8	Phụ gia CaCO ₃	239.877	2017	Saudi Arabia
9	Phụ gia CaCO ₃	235.905	2017	Ấn Độ
10	Phụ gia CaCO ₃	196.420	2017	Ấn Độ

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2016 – 2017

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/giảm 2017 so với 2016
Tổng tài sản	368.052.280.234	605.916.636.773	64,63%
Tài sản ngắn hạn	244.146.298.643	154.227.911.821	(36,83%)
Tài sản dài hạn	123.905.981.591	451.688.724.952	264,54%
Tổng nguồn vốn	368.052.280.234	605.916.636.773	64,63%
Nợ phải trả	250.327.823.184	416.927.131.336	66,55%
<i>Trong đó:</i>			

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/giảm 2017 so với 2016
+ Nợ ngắn hạn	95.325.173.184	237.661.881.336	149,32%
+ Nợ dài hạn	155.002.650.000	179.265.250.000	15,65%
Vốn chủ sở hữu	117.724.457.050	188.989.505.437	60,54%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.837.344.308	549.390.451.850	183,43%
Các khoản giảm trừ doanh thu	119.790.440	141.944.054	18,49%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	193.717.553.868	549.248.507.796	183,53%
Giá vốn hàng bán	149.503.456.680	459.827.923.260	207,57%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.214.097.188	89.420.584.536	102,24%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.273.772.037	3.808.170.538	67,48%
Chi phí tài chính	4.529.288.220	7.622.393.852	68,29%
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	3.409.993.795	6.055.337.710	77,58%
Chi phí bán hàng	14.707.132.911	23.706.599.628	61,19%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.949.675.936	8.291.871.375	39,37%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.301.772.158	53.607.890.219	151,66%
Thu nhập khác	24.216.653	13.673.299	(43,54%)
Chi phí khác	6.850.791.734	4.167.912	(99,94%)
Lợi nhuận khác	(6.826.575.081)	9.505.387	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.475.197.077	53.617.395.606	270,41%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.913.203.215	10.781.147.833	270,08%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.561.993.862	42.836.247.773	270,49%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Năm 2017, Tổng tài sản của Công ty đạt gần 606 tỷ đồng tăng 64,63% so với năm 2016, doanh thu thuần đạt 549 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế đạt

gần 53,6 tỷ đồng, tăng mạnh 270% so với năm 2016. Kết quả đạt được nhờ biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể và doanh thu của Công ty cũng tăng mạnh so với năm trước. Trong năm 2017, dư nợ của An Phát – Yên Bái tăng gần 200 tỷ đồng tương đương với mức tăng 66,55% so với năm trước. Trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn tăng 149% trong khi nợ dài hạn chỉ tăng vốn vện 15,65%.

7.2. Ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm tài chính 2017

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.3.1. Thuận lợi

- Nhu cầu của thị trường: Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm nhựa ngày càng tăng cao.
- Tiêu thụ trong nước: Nhu cầu tiêu thụ Nhựa trong nước còn rất lớn với 90 triệu dân trong đó gần 50% là dân số trẻ là thị trường hết sức tiềm năng cho việc cung ứng các sản phẩm nhựa do những thuận lợi trong việc sử dụng và thói quen sử dụng Nhựa thay thế cho các vật liệu khác của tầng lớp dân số trẻ này...
- Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, các doanh nghiệp nhựa trong nước chỉ cung cấp được 20% - 30% nguồn nguyên liệu nhựa trong nước, chủ yếu là PVC, PET, PP. Đối với nhựa PVC, PET, hiện có hai doanh nghiệp sản xuất với năng lực 300.000 tấn/năm. Với nguyên liệu nhựa PP, duy nhất có nhà máy tại Dung Quất, Quảng Ngãi sản xuất 150.000 tấn/năm. Còn lại, nước ta vẫn nhập khẩu 70% - 80% (khoảng 3 triệu tấn) nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất.
- Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái là đơn vị chế biến hạt nhựa phụ gia để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các đơn vị sản xuất nhựa khác nên các đối thủ cạnh tranh trực tiếp là không nhiều do hiện nay tỷ trọng nhập khẩu còn lớn, mức độ cạnh tranh trên thị trường không gay gắt.
- Về thị trường trong nước, Môi trường xanh An Phát là khách hàng lớn của Công ty. Việc Môi trường xanh An Phát đầu tư và đưa vào sử dụng thêm hai nhà máy trong năm 2017, nâng công suất thiết kế lên gấp đôi, sẽ tăng mạnh nhu cầu sử dụng hạt nhựa phụ gia của

Công ty

- Bên cạnh đó, Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và tỉnh Yên Bái (giá thuê đất, giải phóng mặt bằng, ưu đãi thuế...) và thuận lợi từ vị trí địa lý khi có thể dễ dàng tiếp cận nguồn nguyên liệu dồi dào tại mỏ đá Mông Sơn, Lục Yên
- Trong thời gian tới, sau khi dây chuyền sản xuất bột đá CaCO₃ được đưa vào sử dụng, Công ty sẽ tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành rẻ hơn, phục vụ sản xuất hạt nhựa CaCO₃.

7.3.2. Khó khăn

- Tuy nhiên, công ty cũng gặp phải một số khó khăn khi nguồn nguyên liệu của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách vĩ mô của Nhà nước về khai thác khoáng sản và hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô.
- Tại các thị trường xuất khẩu, Công ty phải cạnh tranh về giá bán với các nhà sản xuất khác và phải phát triển các dòng sản phẩm mới để đáp ứng yêu cầu của khách hàng về đa dạng hóa sản phẩm...
- Cơ cấu tổ chức hành chính thiếu linh hoạt, chậm thích nghi với sự thay đổi của thị trường, gây khó khăn cho việc phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Kể từ khi thành lập, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã liên tục phát triển, mở rộng. Đến nay, trải qua quá trình phát triển với những kinh nghiệm được kế thừa từ Anphat Plastic kết hợp với nguyên liệu dồi dào và chất lượng của vùng Yên Bái, Anphat Mineral đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, vươn lên là nhà sản xuất hạt phụ gia CaCO₃ cho ngành nhựa lớn nhất Việt Nam và được nhiều khách hàng biết đến là một nhà cung cấp “Uy tín – Chất lượng”.

Công ty là đơn vị chế biến hạt nhựa phụ gia để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các đơn vị sản xuất nhựa khác nên các đối thủ cạnh tranh trực tiếp là không nhiều do hiện nay tỷ trọng nhập khẩu còn lớn, mức độ cạnh tranh trên thị trường không gay gắt. Bên cạnh đó, các sản phẩm của Công ty được ưu tiên cung cấp làm nguyên vật liệu đầu vào cho nhu cầu không ngừng tăng lên cho các Nhà máy của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, một phần bán ra thị trường cho các Công ty khác. Do đó, Công ty hầu như không có rủi ro về mặt thị trường.

Về thị trường xuất khẩu, doanh thu thị trường xuất khẩu năm 2014 là 53.419 triệu đồng, tăng lên 107.828 triệu đồng năm 2015 và 131.013 triệu đồng năm 2016. Về thị trường trong nước, Môi trường xanh An Phát là khách hàng lớn của Công ty. Việc Môi trường xanh An Phát đầu tư và đưa vào sử dụng thêm hai nhà máy trong năm 2017, nâng công

suất thiết kế lên gấp đôi, sẽ tăng mạnh nhu cầu sử dụng hạt nhựa phụ gia của Công ty.

Trong thời gian tới, sau khi dây chuyền sản xuất bột đá CaCO₃ được đưa vào sử dụng, Công ty sẽ tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành rẻ hơn, phục vụ sản xuất hạt nhựa CaCO₃.

Về nguồn nhân lực, Công ty có tổng cộng 178 nhân viên trong đó 17% có trình độ Đại học và trên Đại học, đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đều có kinh nghiệm trên 5 năm, riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa và hạt phụ gia. Nhìn chung, đội ngũ Ban lãnh đạo của Công ty là những nhân sự lãnh đạo giỏi, có bề dày kinh nghiệm, có trình độ tổ chức quản lý và điều hành công việc hiệu quả, chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản. Với năng lực tài chính lành mạnh và đội ngũ cán bộ chuyên viên có năng lực chuyên môn cao, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có đầy đủ khả năng đưa công ty hoàn thành xuất sắc những kế hoạch đã đặt ra.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái hoạt động trong lĩnh vực chế biến hạt nhựa phụ gia là một lĩnh vực còn chưa thực sự phát triển ở Việt Nam do đó số lượng đối thủ cạnh tranh là không nhiều. Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm nhựa ngày càng tăng cao. Nhu cầu tiêu thụ Nhựa trong nước còn rất lớn với 93 triệu dân trong đó gần 50% là dân số trẻ là thị trường hết sức tiềm năng cho việc cung ứng các sản phẩm nhựa do những thuận lợi trong việc sử dụng và thói quen sử dụng Nhựa thay thế cho các vật liệu khác của tầng lớp dân số trẻ này...

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, các doanh nghiệp nhựa trong nước chỉ cung cấp được 20% - 30% nguồn nguyên liệu nhựa trong nước, chủ yếu là PVC, PET, PP. Đối với nhựa PVC, PET, hiện có hai doanh nghiệp sản xuất với năng lực 300.000 tấn/năm. Với nguyên liệu nhựa PP, duy nhất có nhà máy tại Dung Quất, Quảng Ngãi sản xuất 150.000 tấn/năm. Còn lại, nước ta vẫn nhập khẩu 70% - 80% (khoảng 3 triệu tấn) nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất.

Ngoài ra, Công ty đẩy mạnh thị trường xuất khẩu của mình sang các nước EU, UAE, Ấn Độ, Nga..., do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến hạt nhựa phụ gia, khai thác và chế biến bột đá, đây là một thị trường còn mới và rất tiềm năng khi nhu cầu trong và ngoài nước tăng cao. Hiện tại, có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, vì vậy chúng tôi sử dụng số liệu tài chính của các công ty trong ngành đang niêm yết để so sánh với HII. Đó là các công ty: CTCP Nhựa Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sài Gòn,

Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu và Công ty cổ phần Nhựa Rạng Đông.

✓ CTCP Nhựa Đà Nẵng (DPC) tiền thân từ Nhà máy Nhựa Đà Nẵng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là chế biến sản phẩm từ chất dẻo. Công ty hiện đang niêm yết trên HNX với vốn điều lệ 22.372.800.000 đồng.

✓ CTCP Bao bì Nhựa Sài Gòn (SPP) tiền thân là Công ty TNHH Bao bì Nhựa Sài Gòn. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa. Công ty niêm yết trên sàn HNX với vốn điều lệ là 135.766.640.000 đồng.

✓ Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (AMC) tiền thân là Xí nghiệp Khai khoáng (Khai thác mỏ đá trắng) được thành lập năm 2001, thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế (Quận khu 4, Bộ Quốc Phòng). Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là Khai thác và chế biến bột đá (CaCO₃, đá vôi trắng). Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HNX với vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng.

✓ Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (RDP) tiền thân là Nhà máy Nhựa Rạng Đông trực thuộc Công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ. Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là sản xuất bao bì nhựa. Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với vốn điều lệ là 228.486.410.000 đồng.

Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên được so sánh với Công ty cổ phần Nhựa và khoáng sản An Phát – Yên Bái theo bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	CTCP Nhựa Đà Nẵng (DPC)	Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Sài Gòn (SPP)	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (AMC)	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (RDP) (*)
Doanh thu thuần	63.832.944.193	1.047.184.650.254	147.497.010.879	1.298.723.560.270
Lợi nhuận sau thuế	4.029.306.904	21.572.268.497	12.058.307.535	114.406.599.224
Nguồn vốn chủ sở hữu	40.563.511.337	272.191.514.089	50.484.205.549	494.233.500.690
EPS	1.801	1.273	3.703	4.045

(Nguồn: BCTC Quý IV/2017 do Công ty lập của các Công ty)

(*) BCTC Công ty Mẹ

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Các định hướng phát triển chiến lược, cũng như các dự án đầu tư của Công ty được xác

định trên cơ sở quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo xu thế chung của thế giới. Định hướng của Công ty là tận dụng mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hệ thống, nhằm chuyên môn hóa lĩnh vực khai thác đá trắng với mục đích xây dựng Công ty thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá trắng tại Việt Nam.

Do bột đá CaCO₃, sản phẩm chính của Công ty, là sản phẩm có khả năng ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực từ vật liệu xây dựng, sản xuất giấy, bao bì, lốp xe đến thức ăn chăn nuôi, nhu cầu trong nước là khá lớn. Bên cạnh đó, nhờ các mỏ đá trắng tại Việt Nam đều có độ trắng tinh khiết cao nên sản phẩm bột đá rất được các thị trường xuất khẩu ưa chuộng. Vì vậy, trong năm tới Công ty sẽ tiếp tục mở rộng trong lĩnh vực sản xuất bột đá. Khu công nghiệp và nhà máy sản xuất của Công ty đều được đặt tại Yên Bái, một trong hai nơi có nguồn khai thác đá tự nhiên với chất lượng ổn định và đảm bảo nguồn cung dồi dào. Do đó, sự gia tăng nhu cầu trong và ngoài nước, Công ty sẽ vẫn đảm bảo nguồn nguyên vật liệu để khai thác và chế biến.

Bên cạnh đó, sản phẩm bột đá của Công ty được sản xuất theo mô hình quản lý tiên tiến, ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với đội ngũ nhân lực được đào tạo chuyên sâu, các kỹ sư của nhà máy thường xuyên được huấn luyện bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm và làm chủ dây chuyền và xử lý trong các trường hợp gặp sự cố. Quy trình sản xuất luôn tuân thủ để đảm bảo tạo ra các sản phẩm chất lượng cao để phát huy tối đa hiệu quả chuyên môn hóa lĩnh vực khai thác đá trắng nhằm đem lại lợi ích lớn nhất cho cổ đông, Nhà nước và cho Công ty.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động làm việc của Công ty là 178 người. Với chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái đã tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết, được đào tạo chính quy, bồi dưỡng thường xuyên và đã được chủ đầu tư, chuyên gia nước ngoài và khách hàng đánh giá cao.

Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	178	100%
Đại học và trên đại học	27	15,16
Cao đẳng	19	10,67
Trung cấp nghề	11	6,18

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phổ thông trung học	121	67,98

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái)

9.2. Chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Công ty cũng đảm bảo thực hiện chế độ làm việc, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ và các chế độ liên quan cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của Nhà nước. Những CBNV có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên hàng năm được nghỉ 12 ngày làm việc. Số ngày nghỉ hàng năm tăng thêm theo thâm niên làm việc, cứ đủ 5 năm làm việc thì được nghỉ thêm 1 ngày. Những CBNV có thời gian làm việc dưới 12 tháng thì thời gian nghỉ hàng năm được tính theo tỷ lệ tương đương với số tháng làm việc trong năm.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

9.2.2. Chính sách tuyển dụng

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong quá trình phát triển, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty luôn có các chính sách thu hút nhân tài và tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề phục vụ cho công việc.

9.2.3. Chính sách đào tạo

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Nội dung và hình thức đào tạo: Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ. Hướng tới tổ chức các lớp học nâng cao kỹ năng chuyên môn. Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

9.2.4. Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ thể thao, du lịch... tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc

10. Chính sách cổ tức

Công ty cũng đã có chính sách chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc: Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, Công ty chi trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định Công ty vẫn thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Dự kiến cổ tức năm 2018 của Công ty theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua theo nghị quyết số 1202/2018/NQ-ĐHĐ tại ngày 12/02/2018 là 15% - 20% bằng tiền mặt.

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Hình thức chi trả
Năm 2015	30%	Tiền mặt
Năm 2016	-	-
Năm 2017	25%	Tiền mặt
Năm 2018	15 – 20% (dự kiến)	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được thực hiện ghi nhận theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 3: Thời gian khấu hao TSCĐ

Danh mục	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	8 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	30 năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua

11.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện theo chủ trương của Hội đồng quản trị, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Bảng 4: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	465.081.387	1.430.922.635
3	Thuế thu nhập cá nhân	7.205.565	20.201.375
	Tổng cộng	472.286.952	1.451.124.010

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

11.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ như sau:

Bảng 5: Chi tiết các quỹ

Đơn vị tính: Đồng

	Năm 2016	Năm 2017
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.167.625	2.064.201
Quỹ đầu tư phát triển	4.387.924.619	4.966.024.312
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.564.926.542	1.564.926.542

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

11.5. Tổng dư nợ vay

Bảng 6: Chi tiết số dư các khoản vay

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
I	Vay và nợ ngắn hạn	81.457.206.927	153.981.461.681
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Dương	56.730.579.472	44.844.033.176
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hải Dương	24.726.627.455	79.137.428.505

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
3	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	-	30.000.000.000
II	Vay và nợ dài hạn	155.002.650.000	179.265.250.000
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hải Dương	26.237.650.000	20.240.250.000
2	Trái phiếu phát hành	128.765.000.000	129.025.000.000
3	Nguyễn Văn Bình	-	30.000.000.000

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào đến hạn thanh toán.

11.6. Tình hình hàng tồn kho

Bảng 7: Chi tiết hàng tồn kho

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Hàng hóa tồn kho	32.769.273.749	70.860.169.223
Nguyên vật liệu	26.759.812.518	47.988.108.198
Công cụ và dụng cụ	1.023.688.787	4.319.149.351
Thành phẩm	4.985.772.444	18.552.911.674

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

11.7. Tình hình công nợ hiện nay

11.7.1. Các khoản phải thu

Bảng 8: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	69.642.407.197	30.479.813.665
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.865.997.602	17.521.181.075

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	37.206.708.850	11.662.342.971
	Phải thu ngắn hạn khác	10.801.279.850	1.296.289.619
	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-231.579.115	-
2	Các khoản phải thu dài hạn	-	-

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2016, 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

11.7.2. Các khoản phải trả

Bảng 9: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Nợ ngắn hạn	95.325.173.184	237.661.881.336
1.1	Phải trả người bán ngắn hạn	8.389.248.322	61.816.609.593
1.2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.860.202.962	16.508.469.254
1.3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	472.286.952	1.451.124.010
1.4	Phải trả người lao động	601.003.096	479.521.086
1.5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.080.000.000	2.904.764.720
1.6	Phải trả ngắn hạn khác	461.057.300	517.866.791
1.7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	81.457.206.927	153.981.461.681
1.8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.167.625	2.064.201
2	Nợ dài hạn	155.002.650.000	179.265.250.000
2.1	Vay dài hạn	155.002.650.000	179.265.250.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 do công ty lập của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSLĐ/Nợ ngắn hạn]	lần	2,56	0,65
- Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	2,22	0,35
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,68	0,69
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,13	2,21
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	4,87	8,87
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,67	1,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	5,97	7,80
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	10,31	27,93
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,98	8,80
- Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,00	9,76

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán 2016, 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

Hầu hết các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán và các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều tăng đáng kể trong năm 2017.

Nhóm chỉ số khả năng thanh toán: Đây là nhóm chỉ số phản ánh khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Hai chỉ số hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty có những chuyển biến chưa thực sự tốt từ 2016 đến 2017. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,56 xuống còn 0,65 (tương đương mức giảm gần 4 lần) còn hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 2,22 xuống còn 0,35 (~ hơn 3 lần).

Về nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn không thay đổi, lần lượt ở quanh mức 0,69 lần và 2,21 lần. Nhìn chung nợ của Công ty có tăng lên nhưng bù lại tổng tài sản và tổng vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng theo tương ứng nên các chỉ số trên hoàn toàn không có thay đổi nhiều.

Về năng lực hoạt động của tài sản ngắn hạn, cả hai chỉ số về vòng quay hàng tồn kho và chỉ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân đều tăng đáng kể, gần gấp 2 lần so với năm 2016. Nguyên nhân chính của những biến chuyển này là kết quả hoạt động kinh doanh mà cụ thể là tình hình kinh doanh hàng hóa của Công ty đã tăng trưởng đáng kể.

Về nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời, các chỉ số cũng tăng trưởng rõ rệt: hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng 2,7 lần trong khi hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) lại tăng hơn 2 lần. Hệ số ROE phản ánh một đồng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế, trong khi đó hệ số ROA trả lời cho câu hỏi một đồng tổng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Từ 2015 đến 2016, trong khi tổng tài sản của công ty tăng mạnh gần gấp 2 lần thì vốn chủ sở hữu của công ty lại đạt mức tăng chỉ 60%. Trong quãng thời gian đó, lợi nhuận sau thuế của công ty tăng vượt trội gần 4 lần. Điều này lý giải tại sao cả ROA và ROE của Công ty đều tăng mạnh. Bên cạnh đó, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cũng tăng đáng kể, trong khi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần lại giảm nhẹ từ 11% xuống còn 9,76%.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Đức Tú	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Hữu Long	Thành viên HĐQT
4	Đặng Thị Quỳnh Phương	Thành viên HĐQT
5	Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT

❖ Ông Vũ Thanh Bình – Chủ tịch HĐQT

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	09/12/1988
Số CMTND:	012088000004 cấp ngày 04/07/2013 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	Xóm 17, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học
Quá trình công tác:	
Thời gian	Quá trình công tác
2010 – 2011	Nhân viên Điều phối dự án An Phát - IMPAC - CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
2011 – 12/2012	Giám đốc Nhà máy - CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
1/2013 – 3/2016	Giám đốc Công ty - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
4/2016 – 2/2018	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
3/2018	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	4.800.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 35,29% vốn điều lệ Công ty)
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
- Cổ phần đại diện sở hữu cho CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	4.800.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 35,29% vốn điều lệ Công ty)
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

❖ Ông Lê Đức Tứ – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/10/1948
Số CMND:	042048000044 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/06/2015
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Thạch Châu, Lộc Hà, Hà Tĩnh
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học Thương Mại Hà Nội Kỹ sư Đại học Hàng không Học viện không quân Liên Xô cũ Cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
1983 - 1989	Đội trưởng đội bay Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam
1989 – 1993	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
1993 – 1995	Tổng Giám đốc Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
1995 – 1999	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
2000 - 2012	Thành viên HĐQT Tổng công ty Hàng không Việt Nam
Từ 3/2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát –

	Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

❖ Ông Nguyễn Hữu Long – Thành viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/03/1976
Số CMTND:	011759059 cấp ngày 06/04/2017 tại CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	P12.9_A4 – Làng Quốc tế Thăng Long – Dịch Vọng – Cầu Giấy – Hà Nội
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
1996 - 1998	Nhân viên kinh doanh Công ty phát triển tin học Hà Nội
1998 - 2002	Trưởng nhóm kinh doanh Công ty máy tính CMC
2002 - 2007	Tổng Giám đốc Công ty máy tính Gia Long Digital
Từ 7/2017 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp An Thành
Từ 02/2018 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp An Thành
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT
❖ Bà Đặng Thị Quỳnh Phương – Thành viên HĐQT	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	24/10/1989
Số CMTND:	030189000926 cấp ngày 08/4/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Đại Đồng - Tứ Kỳ - Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
2012 - 2015	Nhân viên CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
12/2015 đến 3/2016	Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
28/2/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
8/3/2016 đến nay	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	400.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 2,94% vốn điều lệ công ty)
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

❖ Ông Lê Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/10/1980
Số CMTND:	142026980 cấp ngày 03/05/2013 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Đường Nguyễn Thượng Mẫn – Bình Hàn – TP Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
T3/2007 –T10/2009	Tổ trưởng tại Công ty cổ phần nhựa và bao bì An Phát
T10/2009 –T1/2013	Giám đốc Công ty CP khoáng sản An Phát – Yên Bái
T12/2015 đến nay	Giám đốc nhà máy 2 CTCP nhựa và Môi trường xanh An Phát
3/2017	Giám đốc nhà máy 2 CTCP nhựa và Môi trường xanh An Phát
	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Giám đốc nhà máy CTCP nhựa và Môi trường xanh An Phát
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của HĐQT

12.2. Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Thanh Bình	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
3	Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc

❖ **Ông Vũ Thanh Bình:** Xem trong phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

❖ **Bà Nguyễn Thị Thu Nhân – Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	12/02/1988
Số CMTND:	060823371 cấp ngày 12/02/2016 tại CA Yên Bái
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Yên Bái
Địa chỉ thường trú:	Phường Hợp Minh – TP Yên Bái – Yên Bái
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
8/2011 – 2012	Nhân viên Kế toán - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
2012 – 2015	Phụ trách Phòng kế toán - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

2016 – 2/2018	Phó Giám đốc - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái
3/2018	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

❖ Ông Phạm Văn Khương – Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/09/1984
Số CMTND:	142275792 cấp ngày 25/02/2003 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2007 – 2013	Trợ lý giám đốc Khách sạn Victoria Sapa
2/2014 – 7/2016	Nhân viên bán hàng quốc tế CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái
2016 – 2/2018	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát-Yên Bái
3/2018	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh – CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

12.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Hương	Trưởng BKS
2	Đặng Thị Xuê	Kiểm soát viên

❖ **Bà Nguyễn Thị Hường – Trưởng Ban Kiểm soát**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	20/06/1984
Số CMTND:	142040656 cấp ngày 13/7/2013 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	13/7/201
Địa chỉ thường trú:	Thôn Xuân Hưng, Xã Tây Hưng, Huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế Toán
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
2004 – 2007	Quản lý kho thiết bị kỹ thuật - Công ty TNHH NISSEI ELECTRIC VIET NAM (NEV)
12/2007 – 05/2009	Quản lý kho thiết bị kỹ thuật - Công ty TNHH NISSEI ELECTRIC HÀ NỘI (NEH)
07/2009 – 03/2017	Nhân viên - CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Từ 2010 đến 3/2017	Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái
Từ tháng 3/2017 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không

- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của BKS

❖ Bà Đặng Thị Xuê – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	26/10/1982
Số CMTND:	030182002256 cấp ngày 16/5/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL về cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Khu 5, P.Hải Tân, TP Hải Dương
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
2007-2/2008	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Nghĩa Bình
3/2008 - 5/2013	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
6/2013- nay	Nhân viên Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của BKS

❖ Bà Hoàng Phương Hằng – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	28/12/1993
Số CMTND:	142694809 cấp ngày 02/8/2013 tại CA Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ thường trú:	Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	

Thời gian	Quá trình công tác
05/2016 - nay	Nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
3/2016 - nay	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	Không
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	Không
- Cổ phần đại diện sở hữu:	Không
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Thù lao, thưởng của BKS

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

13.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 10: Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá	141.471.798.214	138.242.435.536	16.490.863.984	1.717.907.637	1.902.000.000	85.000.000	299.910.005.371
Giá trị hao mòn lũy kế	10.368.216.152	21.655.131.950	2.824.772.701	410.468.567	442.570.632	25.537.446	35.726.697.448
Giá trị còn lại	131.103.582.062	116.587.303.586	13.666.091.283	1.307.439.070	1.459.429.368	59.462.554	264.183.307.923

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017 CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

13.2. Tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá	15.926.986.836	70.000.000	15.996.986.836
Giá trị hao mòn lũy kế	2.035.397.609	2.559.140	2.037.956.749
Giá trị còn lại	13.891.589.227	67.440.860	13.959.030.087

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2017 CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

13.3. Tình hình sử dụng đất

Bảng 11: Tình hình sử dụng đất của Công ty

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức (giao, thuê)	Thời hạn thuê đất	Hồ sơ pháp lý
1	Khu công nghiệp phía Nam, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	40.081	Đất thuê thời hạn 49 năm	49 năm	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 045948 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Yên Bái

(Nguồn: CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2018 của Công ty

Bảng 12: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2018

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 (triệu đồng)	Năm 2018	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	1.330.750	3.000.000	125,44%
Lợi nhuận sau thuế	55.368	130.000	134,79%
Vốn chủ sở hữu	306.325		
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	4,16%	4,33%	4,15%
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	18,07%		-
Cổ tức (%) (*)	25%	15-20%	-

(*): Mức cổ tức tối thiểu dự định chi trả.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái)

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất với việc đưa dự án Nhà máy sản xuất bột đá CaCO₃ đi vào hoạt động, tăng năng suất của các dây chuyền sản xuất hạt như CaCO₃, cũng như đẩy mạnh hoạt động thương mại hạt nhựa, dịch vụ vận tải. Hiện tại, Công ty đã tích cực cải tiến máy móc, nâng cao năng suất lao động. Dây chuyền máy móc mới lắp đặt có nhiều ưu việt hơn so với dây chuyền cũ, đảm bảo tăng sản lượng, giảm chi phí, giúp tăng lợi nhuận. Công ty đang triển khai dự án mở rộng nhà máy sản xuất bột đá CaCO₃ và nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃. Đồng thời, Công ty đang đẩy mạnh mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm và tập trung phát triển tại các thị trường lớn.

Năm 2018, Công ty sẽ thực hiện phát triển mạnh hai mảng hoạt động là Thương mại hạt nhựa và Dịch vụ vận tải hàng hoá của các công ty con.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty**❖ Định hướng phát triển:**

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất hạt phụ gia CaCO₃ cho ngành nhựa trên thế giới Anphat Mineral luôn đặt phương châm "*Uy tín – Chất lượng*" của Công ty lên hàng đầu.

➤ Đẩy mạnh sản xuất

Trong các năm tới, xác định nguồn nguyên liệu hóa thạch sẽ cạn kiệt nên nhu cầu pha trộn các chất độn như hạt phụ gia CaCO₃ trong ngành nhựa là rất lớn. Trong khi đó nguồn nguyên liệu đá trắng CaCO₃ tại Yên Bái được đánh giá là đẹp nhất Đông Nam Á, phù hợp với ứng dụng trong cách ngành nhựa và sơn... Nhận biết được các lợi thế đó Ban lãnh đạo công ty đã định hướng đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm Hạt nhựa CaCO₃ và Bột đá CaCO₃ để cung cấp ra thị trường.

Dự án sản xuất Bột đá CaCO₃ với tổng công suất 222.000 tấn/năm và dự kiến đi vào hoạt động trong quý 2/2016, sau khi đi vào hoạt động sản phẩm của Nhà máy sẽ được xuất khẩu sang các thị trường lớn là EU, UAE, Nga, Ấn Độ ... bên cạnh việc làm nguyên liệu đầu vào cho dự án Nhà máy nhựa CaCO₃ của Công ty.

Không chỉ dừng lại ở đó, Công ty còn đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.

➤ Đẩy mạnh xuất khẩu

Hội đồng quản trị Công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, UAE, Trung Đông, Ấn độ, Nga ..., do lợi thế về việc thanh toán tốt

và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là Hạt phụ gia CaCO_3 .



➤ **Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội**

Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo công ty đã thực hiện điều chỉnh nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Yên Bái và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập quỹ từ thiện, quỹ khuyến học...

❖ **Giải pháp thực hiện:**

Để thực hiện được những mục tiêu, định hướng đã được đề ra, trước hết Ban Giám đốc Công ty đã xác định những mục tiêu đó phải phù hợp với tiềm lực vốn có của Công ty sau đó đề ra những phương án cụ thể cho từng lĩnh vực để triển khai một cách hiệu quả theo đúng kế hoạch.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM (HSC) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm 2018 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh

giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Trong năm 2018, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

- Số cổ phần trước khi phát hành: 13.600.000 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số cổ phần lưu hành trước khi phát hành: 13.600.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành thêm: 14.250.000 cổ phần, trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 13.600.000 cổ phiếu
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): tối đa 650.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá: 142.500.000.000 đồng
- Số tiền thu được dự kiến từ đợt phát hành: 196.900.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 278.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sau phát hành: 27.850.000 cổ phần

4. Giá chào bán dự kiến

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 14.000 đồng/ cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

5.1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 là 22.524 đồng/cổ phiếu
- Giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2017 là 13.896 đồng/cổ phiếu
- Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu HII bình quân 60 phiên gần nhất (từ ngày 31/10/2017 đến ngày 25/01/2018) là 30.113 đồng/cổ phần.

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu tăng vốn của Công ty, đồng thời, để khuyến khích cổ

đồng gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên HĐQT HII đã nhất trí giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, đồng thời cao hơn giá trị sổ sách của công ty theo báo cáo tài chính riêng gần nhất, và được chiết khấu 53,51% so với bình quân giá cổ phiếu HII đang được giao dịch trên thị trường.

5.2. Phát hành cổ phiếu ESOP:

Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

Nguyên tắc xác định giá bán:

- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2017 theo báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2017 của Công ty: 22.524 đồng/cổ phiếu
- Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu HII bình quân 60 phiên gần nhất (từ ngày 31/10/2017 đến ngày 25/01/2018) là 30.113 đồng/ cổ phiếu.

Như vậy giá phát hành dự kiến bằng 44,4% giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2017 và bằng 33,21% giá giao dịch bình quân cổ phiếu HII tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

6. Phương thức phân phối

6.1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phần.
- Điều kiện hạn chế : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị chuyển nhượng hạn chế chuyển nhượng
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần : 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới)
- Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.
- Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ : Không có cổ phiếu lẻ phát sinh
- Phương thức xử lý cổ phiếu từ chối mua (cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết) : - Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị “HDQT” phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn với giá phân phối không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Trường hợp nhà đầu tư được chọn mua cổ phần thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3

- Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.
- Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của cổ đông được HĐQT phân phối lại cổ phiếu lẻ, cổ phiếu từ chối mua vượt quá tỷ lệ 25% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
 - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định pháp luật nếu như đợt phát hành không được bảo lãnh phát hành. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định xem xét việc bảo lãnh phát hành cổ phiếu khi thấy cần thiết
 - Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Việc phát hành tuân thủ quy định tại Khoản 2, Điều 189 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của Công ty mẹ”.
 - Phương thức phân phối: theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau
 - a. Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”)**
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông HII để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu HII sẽ được hưởng 01 quyền mua, 01 quyền mua sẽ được mua 01 Cổ phiếu HII.
 - Đối với số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền và số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền không hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện tại.
 - Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông HII thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) –

Thành viên lưu ký của VSD.

- Trường hợp cổ đông HII chưa lưu ký, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

b. Chuyển nhượng quyền mua

Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.

Đối với cổ đông HII đã lưu ký:

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông HII mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

- Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
- Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông HII do VSD thực hiện.
- Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau:
 - i. Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán;
 - ii. Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của các Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định;
 - iii. Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua và gửi cho CTCK liên quan.

Đối với cổ đông HII chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại:

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái - Phòng Kế toán

Địa chỉ: Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Tp Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

c. Đăng ký thực hiện quyền mua

Cổ đông HII sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái Phòng kế toán

- Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Tp Yên Bái, Tỉnh Yên Bái (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Đối với số cổ phiếu HII không bán hết, ĐHĐCĐ Công ty đã ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, với giá chào bán theo nguyên tắc không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu HII là 14.000 đồng/cổ phiếu

6.2. Phát hành cổ phiếu ESOP

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: tối đa 650.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 6.500.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng)
- Tỷ lệ phát hành (*số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số cổ phiếu đang lưu hành*): 4,78%
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
- Đối tượng phát hành: Là cán bộ, công nhân viên của Công ty có thành tích đóng góp cho Công ty theo danh sách do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- Phương thức xử lý số cổ phiếu không thực hiện đăng ký mua: Số lượng cổ phiếu dôi ra do người được quyền mua không đăng ký mua hết (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định chào bán tiếp cho cán bộ công nhân viên khác trong Công ty, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức giá chào bán cho cán bộ công nhân viên trong phương án.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và ESOP sẽ được phân phối trong năm 2018 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trong trường hợp kéo dài hơn quy định trên, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

Bảng 38: Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Ngày T là ngày theo lịch

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	T
2	HII thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành	T+1 đến T+12
3	Gửi hồ sơ đến VSD, thông báo về việc thực hiện quyền mua cho cổ đông HII gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua... (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng dự kiến là: T+17)	T+1 đến T+3
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua	T+20 đến T+22
5	Cổ đông HII nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua (số lượng Cổ phiếu HII mà cổ đông được quyền mua tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phiếu HII tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền).	T+29 đến T+31
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành ra công chúng	T+30 đến T+42
7	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu	T+30 đến T+52
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký thực hiện quyền mua	T+53 đến T+64
9	HDQT phân phối số cổ phiếu HII không bán hết (nếu có)	T+64 đến T+70
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+70 đến T+80

- Bước 1: Ngày T là ngày theo lịch (không phải ngày làm việc).
- Bước 2: Công bố thông tin trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán có hiệu lực.
- Bước 3: Theo quy định, gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (“ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do Công ty ấn định để xác định Danh sách người sở hữu cổ phiếu HII được hưởng quyền mua (“danh sách”). Dự kiến T+17 là ngày đăng ký cuối cùng).

- Bước 4: Theo quy định, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách.
- Bước 5: Theo quy định, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty Chứng khoán gửi cổ đông HII thông báo về việc sở hữu quyền mua.
- Bước 6: Theo quy định tại mục 6. Chuyển nhượng quyền mua. Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.
- Bước 7: Theo quy định, thời hạn đăng ký mua (kể từ khi cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua) tối thiểu là 20 ngày.
- Bước 8: Theo quy định, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua.
- Bước 9: Dự kiến thời gian để HĐQT hoàn tất việc phân phối cổ phiếu còn lại khoảng 1 tuần.
- Bước 10: Theo quy định, trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu HII dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông HII; và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chi tiết khi HII được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.
- Cổ phiếu ESOP: Là số lượng cổ phiếu được phân phối cho cán bộ nhân viên HII theo danh sách do Hội đồng quản trị phê duyệt

Phương thức thanh toán:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Các cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản;
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Các cổ đông đăng ký mua tại Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái - Khu Công nghiệp phía

Nam, Xã Văn Tiến, Tp Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, đồng thời nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa

- Cổ phiếu ESOP: Cán bộ nhân viên đăng ký mua tại Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái - Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Tp Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, đồng thời nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa

Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu và ESOP sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu đối với phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: bằng số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không áp dụng

9. Phương thức thực hiện quyền (đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Công ty sẽ thông báo tới các cổ đông về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu và ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua, dự kiến trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Cổ đông có tên trong Danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới theo tỷ lệ mua đã quy định. Các cổ đông sẽ đăng ký mua và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa của Công ty

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty: 49%. Lý do: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP:

- Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%
- Công ty hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Hiện tại công ty không thực hiện phân phối sản phẩm trong siêu thị và trung tâm thương mại (mã ngành 47191). Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái cũng đã rà soát danh mục hàng hóa mà các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không được quyền phân phối theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương và cam kết Công ty sẽ không thực hiện phân phối các mặt hàng thuộc phạm vi hạn chế phân phối đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty tại ngày 19/01/2017 là 434.530 cổ phần (tương đương với tỷ lệ sở hữu là 3,2% vốn điều lệ)

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Căn cứ Điều d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Theo đó, cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào. Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của HII. Vì vậy, Tổng số lượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên được chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 12 tháng	Số lượng CP nắm giữ trong thời gian 06 tháng
1	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	4.800.000	2.400.000
	Tổng cộng	4.800.000	2.400.000

Cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái được niêm yết trên HOSE ngày 22/06/2017. Vì vậy, Tổng số lượng cổ phiếu HII bị hạn chế chuyển nhượng

theo quy định trên đến thời điểm này là: 2.400.000 cổ phiếu, chiếm 17,65% trên vốn điều lệ của Công ty.

12. Các loại thuế có liên quan

12.1. Đối với Công ty

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

❖ Thuế giá trị gia tăng (VAT)

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

12.2. Đối với nhà đầu tư

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
- ✓ Căn cứ theo Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật số 71/2014/QH13 và Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế. Chi tiết tại khoản 7 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 và khoản 10 Điều 2 Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định về thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán như sau:
- ✓ Đối với nhà đầu tư cá nhân trong nước và nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.
- Thu nhập từ cổ tức:
- ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu

hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương**

Số tài khoản: **115002650815 (VND)**

Địa chỉ: Số 09 đường Đức Minh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1202/2018/NQ-ĐHĐ ngày 12/02/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

1.1. Đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Tăng vốn góp của HII tại Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành để bổ sung vốn lưu động	110.400.000.000	Năm 2018

2	Tăng vốn góp của HII tại Công ty Cổ phần liên vận An Tín để bổ sung vốn lưu động	80.000.000.000	Năm 2018
	Tổng cộng	190.400.000.000	

1.1.1. Tăng vốn góp của HII tại Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành để bổ sung vốn lưu động

- Số vốn dự kiến tăng do phát hành thêm cổ phiếu cho HII: 110.400.000.000 đồng, tương đương 11.040.000 cổ phiếu
- Vốn điều lệ sau phát hành cho HII: 210.400.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của HII dự kiến sau phát hành: 16.140.000 cổ phiếu, chiếm 76,7%

Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành (An Thành Bicsol) được thành lập năm 2017 chuyên cung cấp các loại túi PE các loại nguyên liệu nhựa, phụ gia calbest, hóa chất cho ngành nhựa với phương châm: **"Hợp tác đôi bên cùng có lợi"**. Hiện nay nhu cầu nhựa cho ngành nhựa tại Việt Nam mỗi năm là: Bốn triệu sáu trăm ngàn tấn (hay 4.600.000 tấn năm 2016) và dự kiến sẽ tăng năm 2017 từ 15% đến 20%. Để đáp ứng cho nhu cầu rất lớn về các sản phẩm ngành nhựa, An Thành Bicsol là nhà cung cấp các sản phẩm nhựa lớn nhất ở khu vực phía Bắc với các sản phẩm chính như: Túi HDPE shopping, Túi rác, Túi zipper, bao PP dệt, hạt phụ gia calbest dùng cho PP và PE, hạt màu các loại, các loại hạt nhựa...Sứ mệnh của An Thành Bicsol ko chỉ là doanh nghiệp thương mại đơn thuần mà còn cung cấp các giá trị đặc biệt, các giải pháp kết nối các doanh nghiệp cùng ngành. An Thành Bicsol sẽ đồng thời cung cấp nguyên liệu cho đối tác và đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm đối tác sản xuất ra, nhằm tạo ra nhiều giá trị cộng sinh.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA CTCP SẢN XUẤT TỔNG HỢP AN THÀNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.000.000.000	934.293.974.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.001.479.995
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.000.000.000	933.292.494.305

4. Giá vốn hàng bán	2.938.116.000.000	905.933.510.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.884.000.000	27.358.983.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.433.679.761	446.492.787
7. Chi phí tài chính	5.560.686.594	1.731.771.993
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.309.091.383	1.030.554.713
8. Chi phí bán hàng	25.856.861.470	8.231.926.318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.929.014.369	4.966.234.637
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.971.117.329	11.982.558.102
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.064.652.117	10.893.234.638
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.812.930.423	2.178.646.928
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.251.721.694	8.714.587.710

Tổng doanh thu năm 2018 so với năm 2017 tăng trưởng 321%, trong đó tỷ lệ bán CIF năm 2018 tăng lên 50% so với tỷ lệ 30% năm 2017. Do đó nhu cầu sử dụng vốn cho CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành để phục vụ bán CIF cũng tăng cao. Việc tăng vốn cho CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành là rất cần thiết cho việc đáp ứng kế hoạch doanh số 2018, chi tiết như sau:

- + Gia tăng chi phí mua nguyên vật liệu để sản xuất túi nylon PE, PP, Ancal, bột đá: 77.139.000.000 đồng
- + Bổ sung chi phí hoạt động để gia tăng năng suất và sản lượng sản phẩm: 33.261.000.000 đồng

1.1.2. Tăng vốn góp của HII tại Công ty Cổ phần liên vận An Tín để bổ sung vốn lưu động

- Số vốn dự kiến tăng do phát hành thêm cổ phiếu cho HII: 80.000.000.000 đồng, tương đương 8.000.000 cổ phiếu
- Vốn điều lệ sau phát hành cho HII: 186.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn của HII dự kiến sau phát hành: 13.100.000 cổ phiếu, chiếm 72,8%

Công ty Cổ phần Liên vận An Tín có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Logistic. Công ty có mục tiêu trở thành doanh nghiệp Logistic hàng đầu Việt Nam, phát triển thành công chuỗi dịch vụ door-to-door cho các khách hàng tại Việt Nam hướng tới toàn thế giới đồng thời phát triển mở rộng dịch vụ kho hàng bến bãi.

Công ty có hệ thống 100 xe đầu kéo container, 150 somiromooc, hệ thống xe tải, xe chuyên dụng cho chuyên chở hàng hóa quá khổ quá tải đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng. Hệ thống kho bãi có sức chứa lớn. Công ty có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, tận tâm cùng đội ngũ lái xe yêu nghề và dày dặn kinh nghiệm, đảm bảo cung cấp cho khách hàng tất cả các dịch vụ vận chuyển hàng hóa trong mọi lĩnh vực.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 CỦA CTCP LIÊN VẬN AN TÍN

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.000	87.456
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.000	87.456
4	Giá vốn hàng bán	258.685	73.811
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.315	13.645
6	Doanh thu hoạt động tài chính		411
7	Chi phí tài chính	1.963	1.450
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.963	1.450
9	Chi phí bán hàng	7.830	2.964
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.652	2.890
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.871	6.752
12	Thu nhập khác		176
13	Chi phí khác		200
14	Lợi nhuận khác		(24)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.871	6.728
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.774	1.408
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.097	5.320

Tổng doanh thu năm 2018 so với năm 2017 tăng trưởng 345%. Do đó nhu cầu sử dụng vốn cho CTCP Liên vận An Tín cũng tăng cao. Việc tăng vốn cho CTCP Liên vận An Tín là rất cần thiết cho việc đáp ứng kế hoạch doanh số 2018, chi tiết như sau:

- + Mua thêm xe: 36.000.000.000 đồng
- + Chi phí vận hành xe container, mua nhiên liệu, bảo dưỡng sửa chữa xe: 44.000.000.000 đồng

Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến:

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 80% tổng số cổ phiếu cần chào bán.
- Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, tùy hình hình thực tế, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn lại.
 - Lựa chọn bán cho nhà đầu tư khác với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - Trong trường hợp đối tượng khác không mua hết số cổ phần dôi ra (do việc không thực hiện quyền mua), thì vốn điều lệ mới sẽ được đăng ký căn cứ theo số cổ phần thực tế phát hành được. Khi đó HĐQT sẽ cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án đầu tư, và phương án sử dụng vốn để đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty, đồng thời tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng

1.2. Đối với phát hành ESOP: Đợt Phát hành Cổ phiếu theo chương trình Lựa Chọn cho người lao động Công ty năm 2018 – ESOP 2018 được tiến hành với các mục tiêu được chú trọng nhất sau đây:

- Ghi nhận giá trị đóng góp của Người lao động tại Công ty, làm nền tảng để gắn bó lâu dài, góp phần phát triển ổn định và bền vững Công ty.
- Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển toàn Công ty trong các năm tiếp theo.
- Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động của Công ty, dự kiến 6.500.000.000 đồng, chủ yếu cho việc nhập nguyên vật liệu Bột đá CaCO₃ và Hạt nhựa nguyên sinh.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1202/2018/NQ-ĐHĐ ngày 12/02/2018 và Nghị quyết HĐQT số 260201/2018/NQ-HĐQT ngày 26/02/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, số tiền thu được từ đợt chào bán và phát hành ESOP sẽ được sử dụng đầu tư như sau:

❖ Đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Tăng vốn góp của HII tại Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành để bổ sung vốn lưu động	110.400.000.000
2	Tăng vốn góp của HII tại Công ty Cổ phần liên vận An Tín để bổ sung vốn lưu động	80.000.000.000
	Tổng cộng	190.400.000.000

Theo nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1202/2018/NQ-ĐHĐ ngày 12/02/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, trong trường hợp chào bán không hết, Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc vay ngân hàng nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện các mục đích sử dụng vốn nêu trên.

❖ Đối với đợt phát hành ESOP

Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng bổ sung vốn lưu động của Công ty, dự kiến 6.500.000.000 đồng, chủ yếu cho việc nhập nguyên vật liệu Bột đá CaCO₃ và Hạt nhựa nguyên sinh.

Kế hoạch giải ngân số tiền thu được cụ thể như sau:

TT	Thời gian	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ
1	Từ cuối Quý II tới Quý IV năm 2018	Đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành để bổ sung vốn lưu động phục vụ mua nguyên vật liệu và tăng năng suất, chất	110.400.000.000	56,1%

TT	Thời gian	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ
		lượng sản phẩm		
2	Từ cuối Quý II tới Quý IV năm 2018	Đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Liên vận An Tín để bổ sung vốn lưu động, đầu tư thêm xe container và bổ sung chi phí vận hành, bảo dưỡng	80.000.000.000	40,6%
3	Từ cuối Quý II tới Quý IV năm 2018	Bổ sung vốn lưu động của công ty để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh	6.500.000.000	3,3%
Tổng cộng			196.900.000.000	100%

Đại hội đồng Cổ đông đã nhất trí Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tùy theo tình hình thực tế sẽ có thể linh hoạt điều chỉnh và phân bổ nguồn tiền thu được từ việc chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được nêu.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Đơn vị tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính: Lầu 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299

Fax: (028) 3823 3301

1. Đơn vị kiểm toán

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 6664 2777

Fax: 024. 6664 3777

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Phụ lục II: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái;

Phụ lục III: Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty;

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính công ty kiểm toán năm 2016 và 2017.

Yên Bái, ngày 10 tháng 4 năm 2018.

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



VŨ THANH BÌNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THU NHÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ HƯƠNG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

